

Số: /PA-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên và dân sinh – kinh tế - xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

- Tỉnh Ninh Bình được thành lập trên cơ sở sáp nhập của 03 tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình cũ. Sau khi hợp nhất ba tỉnh, địa giới hành chính của tỉnh Ninh Bình được mở rộng, có diện tích 3.942,62 km² (xếp thứ 31/34 tỉnh thành) với dân số năm 2025 trên 4,4 triệu (xếp thứ 6/34 tỉnh thành); có ranh giới địa lý:

- Phía Bắc giáp thành phố Hà Nội; phía Đông Bắc giáp tỉnh Hưng Yên;
- Phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa;
- Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ.

- Các điểm cực của tỉnh Ninh Bình:

+ Điểm cực Đông 106°57'Đ tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, xã Giao Minh;

+ Điểm cực Tây 105°32'Đ tại vườn quốc gia Cúc Phương, xã Cúc Phương;

+ Điểm cực Nam 19°47'B tại rừng ngập mặn Kim Sơn - Cồn Nổi, xã Kim Đông;

+ Điểm cực Bắc 20°60'B tại Hoàn Dương, phường Duy Tân.

Trung tâm hành chính tỉnh Ninh Bình đặt tại phường Hoa Lư, cách thủ đô Hà Nội khoảng 93km về phía Nam.

Tỉnh Ninh Bình nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc-Nam, trong tương lai có đường sắt cao tốc, cảng hàng không và đường biển; là “cửa ngõ” phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối, chuyển tiếp giữa ba vùng kinh tế lớn của đất nước (Vùng đồng bằng sông Hồng - Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung - Vùng trung du và miền núi phía Bắc); nằm trên nhiều hành lang kinh tế trọng điểm, tạo thuận lợi cho Ninh Bình phát triển trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, đối ngoại của vùng và quốc gia.



Bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Ninh Bình nằm trong vùng tiếp giáp giữa vùng đồng bằng Sông Hồng và dải đá trầm tích ở phía Tây; đồng thời nằm trong vùng trũng của đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với biển Đông, nên có địa hình đa dạng, gồm có đồng bằng, đồi núi, vùng bán sơn địa và vùng trũng ven biển. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Đặc điểm địa hình, địa mạo của tỉnh Ninh Bình như sau:

- Địa hình đồi núi, nửa đồi núi với các dãy núi đá vôi, núi thạch sét, sa thạch, đồi đất đan xen các thung lũng lòng chảo hẹp, đầm lầy, ruộng trũng ven núi. Với kiểu địa hình này có nhiều tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là đá vôi, có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng (xi măng, đá mỹ nghệ,...), có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch (cảnh quan, hang động, thảm thực vật,...), cây công nghiệp, cây ăn quả. Địa hình vùng đồi núi chiếm quá nửa diện tích tự nhiên của tỉnh; được phân bố rải rác theo các vùng đồng bằng xen kẽ chạy dài từ điểm cực Tây các xã Gia Viễn theo hướng Đông Nam ra tới biển Đông. Điểm cao nhất so với mực nước biển là đỉnh Mây Bạc thuộc Vườn Quốc gia Cúc Phương cao 648,2m; điểm thấp nhất so với mực nước biển thuộc xã Đại Hoàng là - 0,4m. Các khu vực thuộc xã Gia Trán, Yên Mạc và một phần xã Tây Hoa là vùng trũng, hay bị úng lụt.

+ Địa hình núi đá vôi: chiếm diện tích lớn. Đây là một bộ phận của dải đá vôi kéo dài từ Mỹ Đức - Hà Nội qua phường Kim Bảng đến vùng Đồng Giao - Ninh Bình.

- Vùng karst Ninh Bình có thành phần chủ yếu là đá vôi Ladin (Trias giữa) nằm dọc theo hướng Tây bắc - đông nam; chia thành các tiểu khu, trong đó Tiểu khu có địa hình karst điển hình với nhiều hang động và thung lũng đá vôi tạo nên cảnh quan du lịch độc đáo tiêu biểu là Quần thể danh thắng Tràng An bao gồm ba khu vực liền kề nhau là Di tích cố đô Hoa Lư, Khu danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và Rừng nguyên sinh Đặc dụng Hoa Lư.

+ Địa hình đồi thấp: Gồm các dải đồi bát úp nằm xen kẽ hoặc ven rìa địa hình núi đá vôi, tạo thành một dải (dải thôn Non - Chanh Thượng) hoặc các chòm độc lập ở các xã Thanh Bình.

- Vùng đồng bằng là vùng đất đai màu mỡ, bãi bồi ven sông, có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp.

+ Địa hình đồng bằng cao: Diện tích khoảng 22.000 ha, trong đó diện tích canh tác nông nghiệp khoảng 15.000 ha, bao gồm các phường Duy Tiên, Duy Tân và một phần diện tích của phường Kim Bảng.

+ Địa hình đồng bằng thấp trũng: Gồm các khu vực thuộc các xã Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, phường Nam Định, xã Bình Lục, xã Lý Nhân và một phần diện tích của xã Thanh Liêm.

+ Địa hình vùng đồng bằng ven biển: Địa hình khá bằng phẳng, song bị chia cắt bởi các cửa sông lớn. Vùng đồng bằng ven biển đất đai phì nhiêu, có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển như nuôi trồng, đánh bắt hải sản, du lịch nghỉ mát tắm biển...

Hai vùng bãi bồi lớn vẫn được tiếp tục bồi lấn biển hàng năm tại cửa sông Hồng và sông Đáy, qua đó hình thành một khu dự trữ sinh quyển thế giới (Vườn quốc gia Xuân Thủy) với hàng ngàn loài động thực vật, loài chim quý hiếm.

1.1.3. Khí hậu

Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc tiểu khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam. Đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa. Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 9; mùa đông khô lạnh từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, lượng mưa trung bình hàng năm: 1.700 - 1.800mm; nhiệt độ trung bình 23,5°C; số giờ nắng trong năm: 1.600 - 1.700 giờ; độ ẩm tương đối trung bình: 80 - 85%.

Nhiệt độ: Nhìn chung chế độ nhiệt của tỉnh Ninh Bình mang đặc trưng chung của miền Bắc, nghĩa là mùa hè nhiệt độ cao và mùa đông thấp, tuy nhiên do đặc điểm của địa hình nên cũng có những nét riêng. Biến trình nhiệt độ năm theo dạng một đỉnh. Tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất là tháng 7, trong 3 tháng mùa lạnh thì tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 1. Nhiệt độ không khí cao nhất tuyệt đối tới 42,5°C, thấp nhất tuyệt đối chỉ 1°C (01/02/1976

tại trạm khí tượng Nho Quan), trung bình năm 2024 dao động khoảng 25,2°C với cơ chế hoàn lưu gió đã tạo ra sự phân hóa rõ rệt theo hai mùa: Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10, mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4. Trong giai đoạn từ 1998-2024, 2015 là năm có nhiệt độ trung bình cao nhất (24,8°C), thấp nhất vào năm 2011 (22,8°C). Nhiệt độ trung bình từng năm dao động trong khoảng 23-24°C.

Lượng mưa: Mức độ biến đổi hàng năm của lượng mưa. Độ lệch tiêu chuẩn của lượng mưa vào mùa khô (tháng 11 -4) là 110 mm, mùa mưa (tháng 5-10) là 401,1mm và lượng mưa năm là 427,2mm. Biến suất lượng mưa trong các mùa khô, mùa mưa và năm tương ứng là 39,6%, 25,6% và 23,2%. Như vậy, độ lệch tiêu chuẩn của lượng mưa tương đối bé trong mùa khô, tương đối lớn trong mùa mưa. Ngược lại, biến suất của lượng mưa trong mùa mưa lại nhỏ hơn so với mùa khô. Tương tự trong giai đoạn 1998-2018, tại trạm Ninh Bình năm có giá trị lượng mưa trung bình tháng lớn nhất là năm 2013 (177,3 mm), năm có lượng mưa thấp nhất là năm 2004 (102,4 mm). Nhìn chung lượng mưa trung bình tháng được đo tại trạm Ninh Bình từ năm 1998-2018 dao động trong khoảng 100- 178mm, năm 2020 là 128,5mm.

Độ ẩm và độ bốc hơi: Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm: mùa hè nóng ẩm. Độ ẩm tương đối trung bình: 80-85%.

Diễn biến của lượng bốc hơi phụ thuộc vào diễn biến của nhiệt độ và độ ẩm không khí. Lượng bốc hơi trung bình từng tháng dao động trong khoảng 57-80mm. Giá trị đo đạc thấp nhất là vào năm 2016 (56,3mm), cao nhất vào năm 2007 (83,3mm). Dao động trong khoảng 57-78mm.

1.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có nhiều sông ngòi, hồ, đầm. Hàng năm, hệ thống sông ngòi ở Ninh Bình được nuôi dưỡng bằng nguồn nước mưa dồi dào, tạo nên lượng dòng chảy tương đối phong phú (khoảng 30 lít/s/km²). Mật độ mạng lưới sông ngòi khoảng 0,6 - 0,9 km/km². Các sông lớn thường chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra biển Đông; tiêu biểu là sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vân, sông Vạc, sông Lạng, sông Ninh Cơ, ngoài ra có sông Đào nối liền sông Hồng và sông Đáy, sông Ninh Cơ đổ ra cửa Lạch Giang, sông Sò đổ ra cửa Hà Lạn và những chi lưu của sông Hồng chảy sang sông Đáy hoặc đổ ra biển.... Ngoài ra, Ninh Bình còn có các hồ, đầm hồ Đồng Chương, hồ Yên Thắng, hồ Đồng Thái, đầm Cút...

- Sông Hồng: Đoạn Sông Hồng chạy qua tỉnh Ninh Bình là hạ lưu sông với chiều dài 75km. Điểm đầu của sông Hồng khi chảy vào tỉnh Ninh Bình thuộc phường Duy Tân, tiếp đó chảy qua các xã, phường của tỉnh và đổ ra biển Đông ở cửa Ba Lạt tạo thành địa giới tự nhiên giữa tỉnh Ninh Bình và Hưng Yên. Sông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam với nhiều khúc uốn rộng hẹp khác nhau. Trước khi đổ ra cửa Ba Lạt, sông Hồng tách ra sông Vạc và sông Trà.

- Sông Châu Giang khởi nguồn trong lãnh thổ tỉnh Ninh Bình. Tại phường Duy Tiên sông chia thành hai nhánh, một nhánh làm ranh giới giữa xã Nhân Hoà và Bình Giang. Sông Sắt là chi lưu của sông Châu Giang.

- Sông Ninh Cơ: Chiều dài 61 km, là một phân lưu lớn phía hữu ở hạ lưu sông Hồng, được tách ra từ sông Hồng giữa xã Ninh Giang và xã Xuân Hồng. Sông chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đổ ra biển Đông tại cửa Lạch Giang. Phía Bắc sông uốn lượn hai khúc, phía Nam đổ thẳng ra biển. Sông chịu ảnh hưởng của thủy triều khá rõ rệt ngay cả trong mùa lũ.

- Sông Đào (sông Nam Định): Chiều dài 33,5 km là một phân lưu hữu của sông Hồng, được tách ra từ sông Hồng; chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Lưu lượng bình quân năm 832 m³/s, lượng nước mùa lũ (tháng 6-9) chiếm 76% tổng lượng nước năm.

- Sông Đáy: Chiều dài 82 km, chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Mùa lũ đi từ tháng 6 đến tháng 10 với mực nước trên 1m, 3 tháng cao nhất là các tháng 7, 8, 9 cực đại vào tháng 8 (1m68); 3 tháng thấp nhất là các tháng 2, 3, 4; cực tiểu vào tháng 3 (0,40m).

- Sông Hoàng Long là một sông lớn bắt nguồn từ vùng núi tỉnh Hoà Bình (cũ) gồm 3 nhánh chính là sông Bôi, sông Đập, sông Lạng và một số nhánh nhỏ hợp thành; đoạn chảy giữa khu Bắc Ninh Bình là khu vực hạ lưu có chiều dài trên 31km.

- Sông Lạng: Chảy từ Hoà Bình qua xã Phú Sơn, xã Nho Quan rồi đổ vào sông Hoàng Long tại xã Phú Sơn.

- Sông Bôi: bắt nguồn từ Hoà Bình (cũ) chảy qua Xích Thổ và đổ vào sông Hoàng Long. Vào mùa lũ, lưu lượng nước đổ về rất lớn khiến mực nước dâng cao nhanh chóng, đóng vai trò quan trọng trong việc thoát lũ cho cả vùng hạ lưu.

- Sông Vạc: Là dòng chảy chính vùng trung tâm Ninh Bình, nhập lưu với sông Đáy tại Kim Đài. Sông Vạc vừa là nơi thoát nước chính của vùng Nam Ninh Bình vừa là nơi nhận nước từ sông Đáy đưa vào kênh rạch trong nội đồng và cùng với sông Càn dẫn thủy triều vào trong toàn vùng.

- Sông Duy Tiên: (thuộc hệ thống thủy nông Sông Nhuệ), điểm đầu tại phường Đồng Văn (sông bắt nguồn từ sông Giẽ (xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội) chảy qua phường Duy Tân, Duy Tiên (điểm cuối sông hợp với sông Châu Giang) địa bàn phường Duy Tiên.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có các sông khác như sông Ghềnh, sông Trinh Nữ, sông Cầu Hội, sông Càn, ...

Như vậy, tỉnh Ninh Bình là vùng đất nằm giữa hạ lưu hai con sông lớn của đồng bằng Bắc Bộ là sông Hồng và sông Đáy, có hệ thống sông ngòi khá phong phú, giữ vai trò quan trọng trong duy trì, điều hòa tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh và tạo thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thông thủy, cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trong khu vực... Tuy nhiên, vào mùa mưa lũ, lưu lượng nước sông khá lớn, khi gặp mưa to kéo dài, thì đồng bằng có thể sẽ bị ngập lụt.

1.1.5. Tài nguyên

1.1.5.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Ninh Bình đến 31/12/2024 là 394.262 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 258.242 ha, chiếm 65,5%; đất phi nông nghiệp 125.375 ha, chiếm 31,8%; đất chưa sử dụng 10.645 ha, chiếm 2,7%. Nhìn chung, tài nguyên đất ở Ninh Bình có độ phì nhiêu trung bình với ba loại địa hình ven biển, đồng bằng và bán sơn địa nên có thể bố trí được nhiều loại cây trồng thuộc nhóm cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả; nuôi trồng thủy sản; đồng cỏ chăn nuôi, cây rừng đa tác dụng với các hệ thống canh tác có tưới hoặc không tưới. Vùng gò đồi còn nhiều tiềm năng để chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển công nghiệp.

1.1.5.2. Tài nguyên nước

- Tài nguyên nước mặt: Toàn tỉnh có 811,2km chiều dài sông suối và 2.367,5 km kênh mương. Các sông lớn gồm: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Bôi, sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào và một số sông nhỏ khác như sông Lạng, sông Vạc, sông Ân,... trong số đó có sông Đáy là sông lớn nhất chảy qua, từ Gia Thanh và đổ ra biển từ cửa Đáy. Hầu hết các con sông có lượng nước khá dồi dào, dòng chảy trung bình đạt 30 l/giây/km², tổng lưu lượng dòng chảy trên các mặt sông, suối là 185,22 m³/s = 106 m³/ngày. Bên cạnh đó, trong tỉnh còn có 4 hồ, đập chứa nước lớn có dung tích chứa nước từ 3 triệu đến 10 triệu m³ nước như hồ Yên Đồng, hồ Đá Lái, hồ Yên Quang, hồ Yên Thắng, với tổng dung tích chứa khoảng 24,5 triệu m³ nước, 10 hồ chứa nước loại vừa với dung tích từ 0,5 đến 3 triệu m³ nước và 31 hồ chứa nước loại nhỏ với dung tích chứa nhỏ hơn 0,5 triệu m³ nước, năng lực tưới cho 4.438 ha. Đó là nguồn nước mặt lớn phục vụ các ngành nông nghiệp, công nghiệp... và nguồn nước cấp cho sinh hoạt.

- Tài nguyên nước ngầm: Ninh Bình còn có một trữ lượng nước ngầm khá phong phú. Nước dưới đất chủ yếu phân bố trong 5 tầng chứa nước chính bao gồm: Tầng 16 chứa nước lỗ hổng Holocen (qh2); tầng chứa nước Holocen dưới (qh1); tầng chứa nước Pleistocen (qp); tầng chứa nước Pliocen (n2) và tầng chứa nước trong thành tạo cacbonat, Triat giữa (t2). Tổng trữ lượng tài nguyên nước dưới đất tiềm năng khoảng 1 triệu m³/ngày. Trữ lượng tiềm năng thấu kính nước nhạt tầng chứa nước qp là 400.000 m³/ngày.

1.1.5.3. Tài nguyên rừng

Tài nguyên rừng của tỉnh Ninh Bình tuy diện tích không lớn so với cả nước nhưng mang giá trị đa dạng sinh học và bảo tồn đặc biệt quan trọng như loài đặc hữu; sinh cảnh đất ngập nước Ramsar quốc tế; rừng nguyên sinh Cúc Phương với trữ lượng gỗ và đa dạng loài phong phú.

Theo kết quả công bố diễn biến rừng năm 2025 đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 với tổng diện tích có rừng và diện tích chưa thành rừng trên địa bàn tỉnh là 39.253,40 ha, gồm:

- Rừng đặc dụng 17.778,45 ha;
- Rừng phòng hộ 15.175,30 ha;
- Rừng sản xuất 4.744,91 ha;
- Mục đích khác 1.554,74 ha (Đất an ninh, đất quốc phòng, đất di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, đất lâm nghiệp có nguồn gốc từ rừng đã được quy hoạch sang mục đích khác nhưng chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đất đồi núi chưa sử dụng,...).

1.1.5.4. Tài nguyên biển

Tỉnh Ninh Bình có 89,45 km bờ biển với 14 xã ven biển, có nhiều lợi thế trong nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Khu vực có hệ sinh thái rừng ngập mặn, bãi triều, đầm lầy, 05 cửa sông lớn, nguồn lợi thủy sản phong phú (tôm, cua, cá, ngao, sò,...), tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản, làm muối, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...) và dịch vụ hậu cần nghề cá. Đặc biệt, Vườn quốc gia Xuân Thủy - Khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam - có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường vùng cửa sông.

Bờ biển có đặc tính bồi lắng cao, theo khảo sát và báo cáo hàng năm, bãi bồi mỗi năm lấn ra biển từ 80 đến 100m. Từ đê biển trở ra, Ninh Bình có các vùng đất bồi nổi cao trên mặt nước có các cồn như Cồn Ngạn, Cồn Lu, Cồn Xanh (thuộc VQG Xuân Thủy), Cồn Nổi. Đây là những tiềm năng cũng như thế mạnh về nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản. Ngoài tiềm năng về phát triển ngành nông, lâm, thủy sản vùng ven biển và bãi bồi có tiềm năng rất lớn về du lịch sinh thái, tham quan và tìm hiểu về thế giới tự nhiên.

1.1.5.5. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của tỉnh Ninh Bình không đa dạng và trữ lượng không lớn, chủ yếu phục vụ công nghiệp vật liệu xây dựng. Tài nguyên khoáng sản mang đặc điểm chuyển tiếp rõ rệt, từ khoáng sản vật liệu xây dựng ở vùng đồi núi phía Tây sang các khoáng sản phi kim và nhiên liệu ở vùng đồng bằng và ven biển. Trên địa bàn tỉnh, chỉ một phần nhỏ diện tích đã được điều tra khoáng sản trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000, trong đó, đã thực hiện điều tra sơ bộ ở tỷ lệ 1:25.000 - 1:10.000 bằng lấy mẫu, đo địa vật lý và một số công trình khai đào trên mặt nhằm phát hiện các điểm khoáng sản và đánh giá tài nguyên dự báo cấp 333. Kết quả điều tra tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã ghi nhận được các mỏ theo quy định về phân loại khoáng sản mới của Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 (có hiệu lực từ 01/7/2025), các biểu hiện và mỏ khoáng sản tại tỉnh được phân loại vào các nhóm theo thẩm quyền quản lý và giá trị, bao gồm: Khoáng sản Nhóm I (Kim loại, Nhiên liệu bao gồm nước khoáng nóng thiên nhiên), Khoáng sản Nhóm II (Khoáng chất công nghiệp, Vật liệu xây dựng quan trọng), Khoáng sản Nhóm III (Vật liệu xây dựng thông thường) và Khoáng sản Nhóm IV (Đất, cát sỏi, vật liệu san lấp).

1.2. Điều kiện dân sinh - kinh tế - xã hội

- Quy mô dân số tỉnh Ninh Bình (mới) năm 2025 là 4.412.264 người, trong đó: dân số đô thị 1.006 nghìn người, chiếm 22,8% tổng dân số, dân số nông thôn có 3.406 nghìn người, chiếm 77,2% tổng dân số; dân số là nam giới có 2.175 nghìn người, chiếm 49,3% tổng dân số; dân số nữ có 2.237 nghìn người, chiếm 50,7% tổng dân số.

Giai đoạn 2021 - 2025, quy mô dân số trên phạm vi toàn tỉnh Ninh Bình đã tăng từ 3.719 nghìn người năm 2021 lên khoảng 4.412,264 nghìn người năm 2025. Quy mô dân số đô thị tăng từ 833 nghìn người năm 2021 lên 1.006 nghìn người năm 2025. Tỷ lệ dân số đô thị (tỷ lệ đô thị hoá) cũng có xu hướng tăng từ 22,4% năm 2021 lên 23% năm 2025. Quy mô dân số khu vực nông thôn tiếp tục có xu hướng tăng, từ 2.886 nghìn người năm 2021 lên khoảng 3.406 nghìn người năm 2025.

- Trong giai đoạn 2011–2020, GRDP của Ninh Bình tăng bình quân 8,10%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước (6,90%) và tiệm cận mức trung bình vùng Đồng bằng sông Hồng (8,18%). Giai đoạn này, tăng trưởng của Ninh Bình duy trì tương đối ổn định, dao động từ 6,9–11%, với hai điểm nổi bật là năm 2019 (11,06%) và năm 2018 (9,9%), phản ánh hiệu quả đóng góp của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và du lịch trong giai đoạn hậu đầu tư hạ tầng và phát triển sản xuất lắp ráp ô tô, xi măng, điện năng.

Bước sang giai đoạn 2021–2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của Ninh Bình ước đạt 8,73%/năm, tiếp tục cao hơn trung bình cả nước (6,53%) và cao hơn cả mức bình quân vùng Đồng bằng sông Hồng (8,12%). Mặc dù chịu tác động của đại dịch COVID-19 trong giai đoạn đầu, Ninh Bình vẫn phục hồi nhanh, với tốc độ tăng từ 6,45% năm 2021 lên 10,46% năm 2025, thể hiện khả năng phục hồi mạnh của khu vực công nghiệp như sản xuất ô tô, linh kiện điện tử, và vật liệu xây dựng.

So sánh với các địa phương trong vùng, tốc độ tăng của Ninh Bình cao hơn Hà Nội (6,49%) và tiệm cận Hải Phòng (10,75%). Tuy nhiên, mức tăng của Ninh Bình ổn định và bền vững hơn so với Bắc Ninh (8,11%), nơi tăng trưởng chịu biến động lớn do phụ thuộc vào ngành điện tử xuất khẩu.

2. Đặc điểm và tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

2.1 Bão, áp thấp nhiệt đới

Tỉnh Ninh Bình nằm ở cửa ngõ vịnh Bắc Bộ, là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên của các cơn Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hình thành trên Biển Đông. Bão và ATNĐ chủ yếu xuất hiện trong mùa mưa bão, từ tháng 6 đến tháng 11 hằng năm, tập trung cao điểm vào các tháng 8, 9, 10. Với đường bờ biển kéo dài, trung bình mỗi năm, tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của 3 đến 5 cơn bão/ATNĐ. Khi đổ bộ hoặc đi sát bờ biển, bão gây ra những tác động nghiêm trọng:

Tác động	Khu vực ảnh hưởng chính	Mô tả mức độ
Gió mạnh	Vùng ven biển và cửa sông (Bình Minh, Kim Đông, Rạng Đông, Hải Thịnh, Hải Xuân, Hải Tiến, Hải Quang, Hải Hưng, Giao Ninh, Giao Bình, Giao Hưng, Giao Phúc, Giao Hòa, Giao Minh)	Gió mạnh phổ biến Cấp 8 - 12, đặc biệt siêu bão (như bão số 3 năm 2024) có thể giật cấp 14-15, gây đổ cột điện, viễn thông, tốc mái nhà cửa và hư hỏng tàu thuyền tại bến neo đậu.
Mưa lớn	Toàn bộ tỉnh (Đặc biệt là vùng đồng bằng trũng Gia Tường, Phú Sơn, Gia Viễn, Gia Phong, Yên Đồng, Thanh Lâm, Nguyễn Úy, Tam Chúc)	Lượng mưa phổ biến 250÷450mm/đợt, có nơi trên 500mm, gây ngập úng diện rộng lúa mùa, hoa màu và ngập lụt đô thị (phường Hoa Lư, phường Nam Định, phường Hà Nam).
Nước dâng	Vùng ven biển (Cửa sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ)	Bão kết hợp triều cường gây nước dâng ven biển từ 1,5 - 3m, đe dọa trực tiếp các tuyến đê biển, đê bồi và gây sạt lở mạnh hệ thống kè biển tại Hải Tiến, Hải Quang.

Các cơn bão gần đây có tốc độ di chuyển nhanh, cường độ cực mạnh và hướng đi bất thường. Đặc biệt, xu hướng bão đổ bộ vào khu vực Nam đồng bằng Bắc Bộ ngày càng gia tăng, khiến toàn bộ dải ven biển của tỉnh (Giao Minh, Giao Ninh, Hải Tiến, Hải Hậu, Rạng Đông, Kim Đông, Bình Minh) trở thành khu vực có nguy cơ rủi ro cao. Thiệt hại do bão và ATNĐ gây ra cho tỉnh Ninh Bình bao gồm:

- Nông nghiệp: Ngập úng hàng trăm nghìn ha lúa và rau màu trên toàn lưu vực sông Đáy, sông Hồng. Năm 2024 ghi nhận thiệt hại kỷ lục về diện tích cây ăn quả và hoa cây cảnh tại các vùng chuyên canh.

- Thủy sản: Phá hủy các đầm nuôi tôm, ngao ven biển (Kim Đông, Rạng Đông, Giao Minh). Sóng lớn và nước dâng gây hư hại các chòi canh và hạ tầng nuôi trồng thủy sản.

- Cơ sở hạ tầng: Tốc mái nhà cửa, sạt lở đê điều, kè biển, hư hỏng hệ thống kênh mương, đường giao thông trên diện rộng. Gây sạt lở nghiêm trọng đê biển Hải Hậu, đê tả sông Hồng (phường Duy Tiên), hư hỏng hệ thống trạm bơm và mạng lưới điện truyền tải trên diện rộng. Tổng giá trị thiệt hại thường rất lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảng 3.1: Thống kê số các cơn bão và ATNĐ đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến Ninh Bình từ năm 2021 đến năm 2025

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Bão và ATNĐ ảnh hưởng gián tiếp	2	7	4	2	18
Bão và ATNĐ chịu ảnh hưởng trực tiếp	2	2	4	1	3
Tổng cộng	4	9	8	3	21

2.2 Lốc, sét, mưa đá

Lốc, sét, mưa đá là loại hình thiên tai có cường độ mạnh, diễn ra trong phạm vi hẹp nhưng tốc độ rất nhanh và bất ngờ, thường gắn liền với các đợt giao mùa hoặc không khí lạnh tăng cường. Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình ghi nhận nhiều đợt thiên tai dạng này gây thiệt hại lớn về tài sản và sản xuất:

- Chiều tối ngày 25/01/2020 do chịu ảnh hưởng của KKL kết hợp với hội tụ gió Tây Nam phát triển từ mực 3000 – 5000m nên tại xã Cúc Phương và phường Hoa Lư xảy ra mưa đá.

- Tháng 4/2020 tại Xã Bình Giang và phường Liêm Tuyền xảy ra lốc xoáy kèm dông mạnh, làm tốc mái và hư hại nhiều nhà dân và cây trồng.

- Giữa tháng 5/2021 tại xã Nam Xang, xã Lý Nhân xảy ra lốc xoáy cục bộ, gây hư hại nghiêm trọng cho khu vực trồng cây ăn quả và nhà kính.

- Ngày 05/05/2021, xã Hải Quang xảy ra mưa đá kèm dông, gây thiệt hại diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển.

- Cuối tháng 4/2021 tại xã Yên Mạc, xã Khánh Hội xảy ra mưa đá kèm dông, gây thiệt hại lớn cho cây trồng và hoa màu.

- Tháng 6 - 8/2022 tại xã Cúc Phương, xã Gia Lâm xảy ra nhiều sự kiện sét đánh trong mùa hè, gây cháy rừng và hư hỏng hệ thống điện ở vùng núi đồi.

- Tháng 4/2023 tại phường Yên Sơn, xã Gia Lâm xảy ra mưa đá cường độ mạnh, gây thiệt hại cho khu vực trồng cây ăn quả và rau màu.

- Ngày 05/3/2024 xã Phú Long, xã Gia Phong lốc xoáy xảy ra, gây tốc mái hàng chục nhà dân.

- Ngày 25/8/2025 trên địa bàn phường Lý Thường Kiệt xảy ra lốc xoáy làm 01 người chết, 20 người bị thương, sập 10 nhà, tốc mái, sập tường 394 hộ.

- Ngày 29/9/2025 do ảnh hưởng bão số 10, lốc xoáy xảy ra, gây tốc mái nhiều nhà dân thuộc địa bàn các xã Hải Anh, Hồng Phong, Yên Khánh...

2.3 Mưa lớn

Thiên tai diễn biến phức tạp nhưng ít cực đoan trong năm 2021, trên phạm vi khu vực tỉnh chịu ảnh hưởng của hoàn lưu các cơn bão số 2, 3, 7 và số 8. Các đợt bão chủ yếu gây mưa diện rộng, không kèm theo gió mạnh cực đoan. Lượng mưa: Phổ biến ở mức trung bình nhiều năm, tập trung vào tháng 9 đến tháng 11. Mực nước trên các tuyến sông chính (sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Hoàng Long) biến động nhẹ, không vượt mức báo động lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và an toàn hệ thống đê điều.

Năm 2022, tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 2 vào tháng 8/2022. Hoàn lưu bão kết hợp áp thấp nhiệt đới gây mưa to đến rất to trên toàn địa bàn tỉnh. Đỉnh lũ: Hồi 01h ngày 13/8, mực nước sông Hoàng Long tại trạm Bến Đé đạt đỉnh 3,21m (>BĐI: 0,21m); sông Đáy tại trạm Ninh Bình đạt đỉnh 2,58m

(>BĐI: 0,08m). Tại trạm Như Tân, đỉnh triều đạt 2,04m (vượt báo động II là 0,14m). Các trạm trên sông Hồng và sông Ninh Cơ đạt mức xấp xỉ báo động I.

Năm 2023: Mưa lớn cục bộ và lũ muộn cuối tháng 9, mùa mưa bão 2023 có 05 cơn bão trên Biển Đông nhưng không đổ bộ trực tiếp vào tỉnh. Tuy nhiên, đợt mưa lớn từ ngày 26/9 đến 28/9 do rãnh thấp nhiệt đới đã gây áp lực lớn: Lượng mưa cực đại: Tại trạm Ninh Hải (Hoa Lư) đạt 334,4mm. Tại khu vực Hà Nam cũ, lượng mưa trung bình các đợt đạt từ 150-200mm. Diễn biến lũ: Sông Hoàng Long tại trạm Bến Đé đạt đỉnh 3,82m (dưới BĐIII chỉ 0,18m). Sông Đáy tại trạm Ninh Bình đạt đỉnh 2,50m (mức BĐI). Sông Hồng và sông Ninh Cơ duy trì ở mức báo động I, gây ngập úng cục bộ tại các vùng bãi thấp ven sông.

Năm 2024: ghi nhận diễn biến thiên tai đặc biệt nghiêm trọng- Siêu bão số 3 (Yagi) Đây là năm thiên tai đặc biệt nghiêm trọng nhất trong nhiều thập kỷ, đặc biệt là siêu bão số 3. Lũ trên các sông đã vượt mức lịch sử ghi nhận năm 2017. Mưa cực lớn: Đợt mưa sau bão (9/9 - 12/9) đạt lượng phổ biến 200-300mm. Trạm Nho Quan đạt 274,6mm, Phủ Lý đạt 212,2mm, Cúc Phương đạt 264,4mm. Lũ lịch sử trên hệ thống sông Đáy - Hoàng Long: Trạm Bến Đé (sông Hoàng Long): Đỉnh lũ đạt 4,93m (>BĐIII: 0,93m).; Trạm Gián Khẩu: Đạt 4,53m (>BĐIII: 0,83m), phá vỡ mốc lũ lịch sử năm 2017 (4,50m); Trạm Ninh Bình (sông Đáy): Đạt 4,21m (>BĐIII: 0,71m), phá vỡ mốc lũ lịch sử năm 2017 (3,94m). Lũ trên sông Hồng và sông Ninh Cơ: Tại Nam Định cũ, mực nước sông Hồng và sông Ninh Cơ dâng cao ở mức báo động III, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ hệ thống đê bồi và các khu dân cư ngoài đê.

Năm 2025 tỉnh Ninh Bình xảy ra 03 đợt mưa lớn diện rộng, trong đó từ ngày 21 - 22/7 phổ biến từ 100-200mm, cao nhất 299,7mm (Tại Văn Lý); từ ngày 25-26/8 phổ biến từ 200-300mm, cao nhất 351,1mm (Tại Cúc Phương); từ 27-30/9 phổ biến từ 150 - 250mm, cao nhất 418,6mm (Tại Cúc Phương).

2.4 Nắng nóng

Nắng nóng là hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra thường xuyên và ngày càng khốc liệt tại tỉnh Ninh Bình, tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 8. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino, các đợt nắng nóng có xu hướng đến sớm hơn, cường độ gay gắt hơn với nhiều kỷ lục nhiệt độ bị phá vỡ.

Năm 2022: Toàn tỉnh xảy ra 08 đợt nắng nóng diện rộng. Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối (Tmax) ghi nhận tại trạm Ninh Bình và Nho Quan đạt 38,5°C vào cuối tháng 6. Đặc biệt, khu vực Hà Nam cũ cũng ghi nhận mức nhiệt tương đương, gây áp lực lớn lên hệ thống truyền tải điện cục bộ.

Năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 10-15 đợt nhiệt độ lên tới 41°C, nắng nóng gay gắt và kéo dài, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và gây sốc nhiệt cho vật nuôi trên diện rộng toàn tỉnh.

Năm 2024, đã xảy ra 7-10 đợt T_{max} khoảng 38°C - 40 °C duy trì nhiều đợt nắng nóng diện rộng, gây thiếu hụt nước cục bộ và tăng tiêu thụ điện kỷ lục.

Năm 2025 xảy ra 12 đợt nắng nóng trong đó có 10 đợt nắng nóng diện rộng và 02 đợt nắng nóng cục bộ đặc biệt là đợt nắng nóng từ ngày 01 - 02/6 (tại Ninh Bình 40,0°C; Hà Nam 39,9°C; Nam Định: 39,7°C) và ngày 02-05/8 (tại Hà Nam 40,2°C; Ninh Bình: 39,5°C; Nam Định: 39,5°C)

Căn cứ vào bảng thống kê tần suất số đợt nắng nóng gay gắt kéo dài từ 2-6 ngày, có thể nhận thấy, trong 18 năm qua: tại Nho Quan xuất hiện số đợt nắng nóng gay gắt nhiều nhất là 45 đợt, tiếp đến là tại Ninh Bình là 36 đợt. Trong số đó, tần suất nắng nóng gay gắt kéo dài 2 ngày chiếm 42% tổng số đợt nắng nóng gay gắt trong cả đợt ở tại Nho Quan và Ninh Bình. Tại Nho Quan tần suất xuất hiện nắng nóng gay gắt kéo dài 4 ngày chiếm 24%, còn tại Ninh Bình số đợt nắng nóng gay gắt kéo dài 4 ngày đều chiếm 14%. Tần suất xuất hiện nắng nóng gay gắt kéo dài 5 ngày chỉ chiếm 16%, 19%, lần lượt tại Nho Quan, Ninh Bình. Số đợt nắng nóng gay gắt kéo dài 6 ngày chỉ chiếm 1-2 đợt trong thời kỳ qua, và chiếm 2%, 3% và 7% tại Nho Quan.

2.5 Hạn hán

Với điều kiện độ ẩm và lượng mưa trung bình, tình trạng hạn hán trên địa bàn tỉnh Ninh Bình khá hiếm gặp và diễn ra không gay gắt. Bên cạnh đó, thời tiết nắng nóng kéo dài với nền nhiệt độ trên 37°C gây ra tình trạng thiếu nước tưới vào mùa hè, ảnh hưởng đến diện tích trồng trọt của người dân. Trong năm 2015 xảy ra 03 đợt nắng nóng đã phá vỡ nhiều kỷ lục thời tiết (xảy ra vào giữa tháng 5/2015; đầu tháng 6/2015; đợt thứ 3 vào cuối tháng 6 đầu tháng 7/2015), làm diện tích lúa và hoa màu ảnh hưởng nghiêm trọng; nắng nóng ảnh hưởng lớn tới sinh hoạt của người dân địa phương đặc biệt là người già và trẻ em. Giai đoạn đầu năm 2025, do thời tiết hanh khô kéo dài nên các khu vực trong tỉnh có nguy cơ cháy rừng cấp 3 - 4.

2.6 Rét đậm, rét hại

Hiện tượng rét đậm rét hại xảy ra trên toàn tỉnh Ninh Bình xuất hiện vào tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Điển hình trong năm 2016 do ảnh hưởng của không khí lạnh rất mạnh từ ngày 23- 28/1 trên địa bàn tỉnh xuất hiện rét đậm rét hại, tại khu vực các xã Nho Quan, phường Tam Điệp, phường Trung Sơn có nơi xuống tới 4,4°C. Năm 2017 do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh có cường độ rất mạnh được tăng cường liên tục, từ ngày 10/02 đến ngày 13/02 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã xảy ra rét đậm, rét hại (Cúc Phương 9,0°C; Nho Quan 11,3°C; Ninh Bình 12,8°C). Đợt 02 từ ngày 24- 25/2 nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi như sau: Cúc Phương 12,2°C; Nho Quan 13,7°C; Ninh Bình 13,6°C.

Tháng 1-2/2021, khu vực các xã Hợp Lý, xã Bình Nghĩa xảy ra rét hại trên diện rộng, gây nguy cơ chết rét cho gia súc và ảnh hưởng đến lúa mới gieo cấy ở vùng đồng bằng (vùng núi 5°C, vùng đồng bằng 10°C).

Ngày 19-23/02/2022, khu vực phường Trung Sơn, xã Nhân Đạo xảy ra đợt rét hại sâu nhất của mùa đông. Gây thiệt hại nặng nề cho đàn trâu, bò không được che chắn và cây trồng vụ Đông (cục bộ: 3°C- 6°C).

Tháng 1/2024, khu vực xã Hải Lộc, xã Giao Long, xã Kim Đông xảy ra rét đậm trên diện rộng. Nhiệt độ thấp (từ 8°C - 10°C) kết hợp với gió mùa Đông Bắc mạnh cấp 6-7 đã ảnh hưởng trực tiếp đến nghề muối và làm chậm tốc độ sinh trưởng của các đối tượng nuôi trồng thủy sản nước lợ (ngao, tôm).

Trong năm 2025 khu vực tỉnh Ninh Bình chịu ảnh hưởng của 22 đợt không khí lạnh và không khí lạnh tăng cường; Xảy ra 04 đợt rét đậm, rét hại diện rộng và 02 đợt gây rét đậm, rét hại cục bộ. Từ ngày 12 - 13/01, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã xảy ra rét đậm, rét hại có cường độ mạnh (Cúc Phương: 5,60C; Nho Quan 6,80C).

2.7 Lũ và ngập lụt

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tình hình lũ lụt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có sự phân hóa rõ rệt. Sau ba năm (2021 - 2023) tình hình thủy văn tương đối bình hòa, đến năm 2024 đã xảy ra đợt lũ lịch sử trên hệ thống sông Đáy và sông Hoàng Long, vượt qua các mốc kỷ lục của trận lũ năm 2017.

Năm 2021: Trên địa bàn tỉnh, lượng mưa năm 2021 phổ biến ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (tổng lượng mưa tại Hà Nam khoảng 2.119mm). Các đợt bão chủ yếu gây mưa vừa, không xuất hiện các trận lũ lớn trên hệ thống sông chính. Mực nước các sông cơ bản duy trì dưới báo động I, thuận lợi cho công tác vận hành hệ thống thủy lợi nội đồng.

Tháng 8/2022: Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 2, toàn tỉnh ghi nhận đợt mưa lớn diện rộng (tổng lượng mưa đợt đạt 200 - 300mm). Lũ trên sông Hoàng Long: Đỉnh lũ tại trạm Bến Đé đạt 3,21m vào hồi 01h ngày 13/8 (vượt báo động I: 0,21m). Lũ trên sông Đáy: Tại trạm Ninh Bình đạt đỉnh 2,58m (vượt báo động I: 0,08m). Tại trạm Phủ Lý, mực nước dâng cao gây úng ngập cục bộ một số vùng bãi thấp ven sông của huyện Thanh Liêm cũ. Tại khu vực Nam Định cũ: Trạm Như Tân ghi nhận đỉnh triều 2,04m (vượt báo động II: 0,14m), ảnh hưởng đến các hộ nuôi trồng thủy sản ven biển.

Năm 2023: Mưa lũ muộn cuối tháng 9 do tác động của dải hội tụ nhiệt đới, từ ngày 26-28/9/2023 đã xảy ra đợt mưa lớn kỷ lục tại chỗ. Tại trạm Ninh Hải (Hoa Lư) mưa tới 334,4mm, tại Hà Nam cũ lượng mưa phổ biến trên 200mm. Mực nước sông Hoàng Long tại Bến Đé lên nhanh, đạt đỉnh 3,82m (xấp xỉ báo động III). Đợt lũ này làm ngập lụt diện rộng các vùng bãi và khu vực chậm lũ của Nho Quan và Gia Viễn; đồng thời gây áp lực tiêu úng lớn cho hệ thống sông Nhuệ và sông Châu Giang.

Năm 2024: Trận lũ lịch sử vượt mốc năm 2017 (do siêu bão số 3 - Yagi), đây là trận lũ đặc biệt lớn, gây ngập lụt diện rộng và thiệt hại nghiêm trọng nhất trong nhiều thập kỷ qua trên toàn địa bàn tỉnh. Tổng lượng mưa đợt cực lớn, tập trung tại Nho Quan (274,6mm), Cúc Phương (264,4mm) và Phủ Lý (212,2mm). Lũ thượng nguồn đổ về kết hợp mưa tại chỗ đã đẩy mực nước các sông lên mức kỷ lục.

Đỉnh lũ phá vỡ các mốc lịch sử: Tại trạm Gián Khẩu: Đỉnh lũ đạt 4,53m (21h

ngày 12/9), vượt mốc lũ lịch sử năm 2017 (4,50m); Tại trạm Ninh Bình (Sông Đáy): Đỉnh lũ đạt 4,21m (20h ngày 12/9), vượt mốc lũ lịch sử năm 2017 (3,94m); Tại trạm Bến Đé: Đỉnh lũ đạt 4,93m (19h ngày 12/9), vượt báo động III là 0,93m.

Năm 2025 xuất hiện các đợt lũ trên các sông, mực nước đỉnh lũ cao nhất như sau: Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé đạt mức 4,88m vượt mức BĐ3 là 0,88m; tại Gián Khẩu ở mức 4,16m, trên BĐ3 0,46m (ngày 01/10); Trên sông Đáy tại Ninh Bình đạt đỉnh mức 3,77m trên BĐ3 0,27m; tại Phủ Lý ở mức 4,84m, trên BĐ3 0,84m (ngày 01/10); Trên sông Ninh Cơ tại Trạm Trục Phương đạt đỉnh mức 3,31m trên BĐ3 0,71m (ngày 02/10); Trên sông Hồng, tại trạm Hưng Yên đỉnh lũ 6,12m thấp hơn báo động II 0,18m (ngày 02/10)

Tình hình ngập lụt: Vùng hạ lưu: Do lũ sông Hồng lên mức báo động III kết hợp lũ sông Đáy, toàn bộ các tuyến đê bồi tại Ý Yên, Yên Đồng, Yên Cường và Thanh Lâm, Châu Sơn, Bắc Lý bị tràn hoặc uy hiếp nghiêm trọng, buộc phải sơ tán hàng ngàn hộ dân. Vùng chậm lũ: Các xã vùng trũng (Gia Tường, Phú Sơn, Thanh Sơn, Gia Viễn, Gia Phong, Đại Hoàng, Gia Hưng) bị ngập sâu từ 1,5m - 2,5m, chia cắt giao thông trong nhiều ngày. Kinh tế: Hàng chục nghìn ha lúa vụ Mùa bị mất trắng, hệ thống hạ tầng điện lực, giao thông bị hư hại nặng nề. Tổng thiệt hại ước tính lớn nhất từ trước đến nay đối với cả 3 khu vực cũ.

Bảng 3.2: Tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu

Khu vực	Tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu KỊCH BẢN 2 (tỷ lệ %)				
	0.1 - 0.5m	0.5 - 1m	1 - 1.5m	1.5 - 2.5m	>2.5m
Vùng Phía Tây (Cúc Phương, Tam Điệp, Trung Sơn, Nguyễn Úy, Tam Chúc, Lý Thường Kiệt)	8.5	7.2	6.0	3.0	1.5
Vùng Đồng bằng (Hoa Lư, Nam Hoa Lư, Tây Hoa Lư, Phủ Lý, Hà Nam, Phủ Vân, Gia Viễn, Gia Phong, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Tường, Phú Sơn, Yên Đồng, Ý Yên, Yên Cường, Trường Thi, Liên Minh, Hiền Khánh, Thanh Lâm, Châu Sơn)	4.2	3.5	1.5	0.8	0.2
Vùng Ven biển (Kim Đông, Bình Minh, Rạng Đông, Hải Tiến, Hải Thịnh, Giao Minh, Giao Hoà)	2.0	1.2	0.4	-	-

2.8 Xâm nhập mặn

Hiện tượng xâm nhập mặn có xu hướng gia tăng về cả độ sâu và nồng độ muối, đặc biệt trong những năm El Niño và vào các đợt triều cường lớn.

Hiện tượng xâm nhập mặn ở vùng bãi bồi ven biển xã Kim Đông lấn sâu vào các cửa sông từ 20 - 25 km trên sông Đáy và 10 - 15 km trên sông Vạc.

Cửa sông Ninh Cơ, đây là một trong những cửa sông lớn nhất, xâm nhập mặn thường lấn sâu nhất từ 25 – 35km, đe dọa trực tiếp các vùng lúa của xã Quỹ Nhất, xã Hồng Phong, xã Nghĩa Sơn, xã Hải Thịnh, xã Hải An, xã Ninh Cường.

Cửa sông Hồng mặc dù lưu lượng lớn, nhưng xâm nhập mặn vẫn đáng kể từ 15 - 25km, ảnh hưởng đến vùng xã Giao Minh, xã Giao Hoà, xã Giao Thủy và các khu vực gần cửa sông.

Năm 2024: Do ảnh hưởng của El Nino, xâm nhập mặn diễn ra gay gắt và kéo dài kỷ lục. Độ mặn tại cửa sông Đáy thường xuyên duy trì ở mức 21,5‰ - 26,5‰, gây nhiều khó khăn lớn cho việc lấy nước ngọt phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân cho toàn bộ vùng hạ lưu tỉnh.

Độ mặn trên sông Ninh Cơ tại trạm Phú Lễ từ tháng 1 đến tháng 5 và tháng 11 đến tháng 12/2025 ở mức trung bình. Độ mặn lớn nhất 29,825‰ xuất hiện ngày 09/02. Ranh giới xâm nhập mặn ở mức thấp hơn TBNN và năm 2024 cùng kỳ.

Hiện tượng xâm nhập mặn có dấu hiệu gia tăng, nhất là vào giai đoạn đồ ải vụ đông xuân.

2.9 . Sạt lở đất

Trong năm 2025 do ảnh hưởng của mưa lớn trên địa bàn tỉnh xảy ra 04 điểm sạt lở đất, đá: Ngày 26/6/2025 tại khu vực mỏ sét Khả Phong I tại Xã Khả Phong (nay là phường Tam Chúc); Ngày 22/7/2025 tại Núi Vái Giời, phường Nam Hoa Lư; Ngày 26/8/2025 tại tổ 11 phường Yên Sơn và thôn 1 xã Phú Long; tổ dân phố Đoài, phường Tam Chúc.

3. Đánh giá rủi ro thiên tai theo cấp độ RRTT

3.1. Đánh giá thiên tai

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần suất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra	Địa điểm
Bão, ATNĐ	4	Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực Biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền trong 24 giờ tới. Bão rất mạnh từ cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ	3÷4 ngày	2 ngày	2÷3 cơn/năm	Thường từ tháng 6÷11	Hàng năm	Toàn tỉnh
Lũ, ngập lụt	4	Xuất hiện mưa lớn ở thượng nguồn các sông Hoàng Long, sông Đáy, sông Đào, sông Ninh Cơ, sông Hồng và mưa trên địa bàn tỉnh	1 ngày	3 ÷ 5 ngày	2÷3 trận/năm	Thường từ tháng 6÷11	Hàng năm	Toàn tỉnh (tập trung vào các xã, phường: Thanh Liêm, Thanh Lâm, Tân Thanh, Yên Cường, Tam Chúc, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Úy, Kim Bảng, Châu Sơn, Liêm Tuyên, Phù Vân, Phù Lý, Thụy Khê, Gia Phong, Thanh Sơn, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Lâm, Gia Tường, Tây Hoa Lư, Nam Hoa

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần suất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra	Địa điểm
								Lư; Hải Thịnh, Quang Hưng, Minh Tân, Liên Minh, Vụ Bản, Hải Xuân, Nam Hồng, Ninh Giang, Đông Thịnh, Nam Định, Trường Thi)
Mưa lớn	3	Hoàn lưu của bão, ATNĐ	3÷4 ngày	3 ÷ 4 ngày	2÷3 trận/năm	Thường từ tháng 6÷11	Hằng năm	Toàn tỉnh
Lốc, sét, mưa đá	1	Ảnh hưởng của KKL kết hợp với hội tụ gió trên cao phát triển mạnh	Trong khoảng 1 đến 2 giờ	Hình thành và tan trong thời gian ngắn	Ít xuất hiện	Bất kỳ trong năm	Hằng năm	Phạm vi ảnh hưởng hẹp (thường trong 1 xã)
Sạt lở đất, sụt lún do mưa lũ hoặc dòng chảy	Cấp 3	Mưa lớn với lượng mưa từ 100÷200mm trong 1 ngày tại vùng có nguy cơ rất cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	3÷5 ngày	3 ÷ 5 ngày	Ít xuất hiện	Thường từ tháng 6÷11	Hằng năm	Khu vực có thể xảy ra sạt lở đất, đá (Núi Đọi thuộc địa bàn phường Tiên Sơn; thôn Trung Hiếu Hạ, xã Thanh Lâm; thôn Chanh Thượng, thôn Hạ Trung Ninh, thôn Lê Mĩ, thôn Nghè, xã Thanh Bình; thôn Lờ Núi, xã Thanh Liêm; Đồi Ngang, xã Tân Thanh; Khu vực Mở khai thác đất, đá,

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần suất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra	Địa điểm
								sét thôn Khả Phong, phường Tam Chúc; Phường Yên Sơn; Khu vực khai thác đá xã Gia Trấn; Khu vực khai thác nhiên liệu của Nhà máy xi măng The vissai tại, xã Gia Vân; Khu vực thôn Kênh Gà xã Gia Viễn; Khu vực núi Quèn Thạch thuộc xã Cúc Phương; Khu vực núi Vườn Già, thôn Đông, phường Tây Hoa Lư; Khu vực Ninh Vân, phường Nam Hoa Lư.
Nắng nóng	4	Nhiệt độ không khí cao nhất trong ngày vượt quá 35 ⁰ c, kéo dài trong nhiều ngày	5÷7 ngày	3÷5 ngày	8÷10 trận/năm	Thường từ tháng 6÷8	Hằng năm	Toàn tỉnh
Hạn hán	3	Từ 3-6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70%	3÷6 tháng	20÷30 ngày	Ít xuất hiện	Thường xảy ra vào tháng 1 trong năm	Hằng năm	Phạm vi ảnh hưởng hẹp (thường trong 1 vài xã)
Xâm nhập mặn	3÷4	Từ 3-6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70%	3÷6 tháng	20÷30 ngày	Ít xuất hiện	Thường xảy ra vào tháng 1 trong năm	Hằng năm	Các xã ven biển

3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai (trên cơ sở 4 tại chỗ)

- Về con người: Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại chỗ thuộc 129 xã, phường trên toàn tỉnh Ninh Bình năm 2025 là 27.627 người, trung bình đạt 214 người/1 xã, xã có lực lượng xung kích PCTT có 1.315 người.

- Về vật tư:

BIỂU THỐNG KÊ VẬT TƯ DỰ TRỮ PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO TRƯỚC LŨ NĂM 2026

STT	Vị trí theo tuyến đê	VẬT TƯ TRUYỀN THỐNG								VẬT TƯ LOẠI MỚI	
		Đá hộc (m ³)	Bao tải (cái)	Rọ thép (cái)	Đá dăm (m ³)	Cát vàng (m ³)	Vải lọc (m ²)	Dây thép (kg)	Bạt chắn sóng (m ²)	Bao tải to, Bao Jum bo (Kích thước b x h x l m)	Bạt chống thấm (m ²)
1	Hạt Quản lý đê Mỹ Thành	5.694	3.613	-	-	-	4.007	16.212	6.470	3.250	12.000
2	Hạt Quản lý đê Vụ Bản	3.025	-	-	335	-	-	-	-	-	-
3	Hạt Quản lý đê Ý Yên	2.518	8.400	36	168	-	-	-	5.310	-	-
4	Hạt Quản lý đê Nam Trực	5.212	155.500	1.980	491	-	14.377	190	62.655	10.449	14.400
5	Hạt Quản lý đê Trực Ninh	4.153	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Hạt Quản lý đê Xuân Trường	2.794	-	-	204	-	-	-	-	-	-
7	Hạt Quản lý đê Giao Thủy	7.862	158.300	466	-	-	5.270	-	21.234	1.432	-
8	Hạt Quản lý đê Hải Hậu	5.181	176.800	653	-	-	10.795	-	50.902	1.860	-
9	Hạt Quản lý đê Nghĩa Hưng	9.329	140.700	400	85	-	13.606	-	88.167	340	-
10	Hạt Quản lý đê Duy Tiên	2.540	189.915	93	160	-	1.000	-	8.300	-	2.800
11	Hạt Quản lý đê Lý Nhân	4.833	99.419	1.215	199	15	6.000	961	15.580	-	2.800

12	Hạt Quản lý đê Kim Bảng	1.195	106.927	-	15	15	-	-	19.400	-	-
13	Hạt Quản lý đê Phủ Lý	2.023	396.785	1.286	407	-	2.500	4.039	5.196	-	3.410
14	Hạt Quản lý đê Thanh Liêm	1.458	119.100	15	48	-	-	-	9.000	-	-
15	Hạt Quản lý đê Yên Khánh	7.165	19.000	333	-	-	-	-	1.200	-	-
16	Hạt Quản lý đê Hoàng Long - Hoa Lư	12.095	169.875	872	-	200	500	10.010	12.100	1.200	24.000
17	Hạt Quản lý đê Kim Sơn	6.782	29.800	390	-	-	3.050	400	2.000	2.500	-
Cộng		83.858	1.774.134	7.739	2.112	230	61.105	31.812	307.514	21.031	59.410

- Về trang thiết bị:

BIỂU TRANG THIẾT BỊ BỊ PTDS, ỨNG PHÓ SỰ CỐ THIÊN TAI VÀ TKCN THỜI ĐIỂM 0h NGÀY 01/01/2026

TT	DANH MỤC	Tổng số	ĐVT	TT	DANH MỤC	Tổng số	ĐVT
*	PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG BỘ			*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CỨU HỘ, CỨU NẠN DƯỚI LÒNG ĐẤT, SẬP ĐỔ CÔNG TRÌNH		
1	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi	34	Chiếc	1	XE CỨU HỘ, CỨU NẠN ĐA NĂNG	1	Chiếc
2	Xe ô tô chở người đến 40 chỗ ngồi	14	Chiếc	2	Máy khoan bê tông	1	Chiếc
3	Xe ô tô vận tải	15	Chiếc	3	Máy cắt bê tông	1	Chiếc
4	Xe ô tô bán tải	226	Chiếc	4	Máy khoan, đục đá, bê tông các loại	2	Chiếc
*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHỈ HUY			5	Cửa xích cầm tay	2	Chiếc
1	Xe chỉ huy	201	Chiếc	6	Cửa máy	14	Chiếc
2	Trang thiết bị quan sát, ghi hình	8	Bộ	7	Đèn chiếu sáng các loại	1.166	Chiếc
3	Trang thiết bị thông tin	2	Bộ	8	Quần áo bảo hộ	4	Bộ
4	Hệ thống truyền hình hội nghị	140	Hệ thống	9	Mặt nạ phòng khói	6	Bộ

5	Hệ thống thu phát âm thanh, đa kênh, đa chức năng	129	Hệ thống	*	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY		
*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN LIÊN LẠC			1	Xe chữa cháy	46	Chiếc
1	Hệ thống Thông tin di động	3	Hệ thống	2	Xe thang chữa cháy	7	Chiếc
2	Trạm chuyển tiếp VHF	1	Trạm	3	Máy bơm chữa cháy	88	Chiếc
3	Bộ đàm cầm tay	1.038	Chiếc	4	Máy bơm nước các loại	10	Chiếc
*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN TRÊN SÔNG, BIỂN			5	THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (LĂNG PHUN, BỘ CHIA, VÒI CHỮA CHÁY, GÀU MỨC NƯỚC)	2	Bộ
1	Xuồng CN	64	Chiếc	6	Máy thổi gió chữa cháy rừng	3	Chiếc
2	Xuồng ST 1200	1	Chiếc	7	Máy đo nhiệt từ xa	1	Chiếc
3	Xuồng ST 750	4	Chiếc	8	Quần áo chống cháy đặc biệt trong tâm lửa	10	Bộ
4	Xuồng ST 660	23	Chiếc	*	TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ, Y TẾ		
5	Xuồng ST 450	23	Chiếc	1	Xe cứu thương	10	Chiếc
6	Xuồng cứu hộ đa năng RF650 - TFC-Tech forward + đồng bộ kèm theo.	2	Chiếc	2	Nhà bạt cứu sinh nhẹ	41	Chiếc
7	Xuồng cao su gắn động cơ YAMAHA	1	Chiếc	3	Nhà bạt 16,5 m2	316	Chiếc
8	Xuồng gắn động cơ RE4M2	2	Chiếc	4	Nhà bạt 24,5 m2	25	Chiếc
9	Xuồng + Máy đẩy 40 HP	1	Chiếc	5	Nhà bạt 24,75 m2	171	Chiếc
10	Máy đẩy 85 HP	5	Chiếc	6	Nhà bạt 60 m2	145	Chiếc
11	Máy đẩy 40 HP	13	Chiếc	7	Nhà bạt các loại khác	80	Chiếc
12	Máy đẩy 15 HP	2	Chiếc	8	CloraminB	2.032	Kg
13	Xuồng máy các loại	2	Chiếc	9	Pecmethin Plú 1L	16	lít
14	Ca nô các loại	1	Chiếc	10	Hóa chất khử khuẩn, khử khuẩn	20	Kg
15	Thuyền loại khác	19	Chiếc	11	Cáng cứu thương	52	Bộ
16	Xuồng VSN-1500	91	chiếc	12	Dụng cụ băng bó cứu thương	241	Bộ
17	Máy xuồng VSN-1500	18	Máy	13	Khẩu trang cá nhân	16.600	Chiếc
18	Phao áo cứu sinh	24.163	Chiếc	*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CẤP		

					NGUỒN ĐIỆN		
19	Phao tròn cứu sinh	24.897	Chiếc	1	Máy phát điện các loại	177	Chiếc
20	Phao bè cứu sinh	372	Chiếc	2	Máy phát điện 5-7KW	26	Chiếc
21	Áo phao các loại khác	447	Chiếc	3	Máy phát điện 30KW trở lên	6	Chiếc
22	Phao chỉ vị trí hàng hải	3	Chiếc	4	Máy phát điện có hệ thống đèn pha	3	Chiếc
23	Thuyền phao	1	Chiếc	5	Máy phát điện 30KW trở lên	1	Chiếc
*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN DƯỚI NƯỚC			6	TRẠM NGUỒN ĐIỆN; MÁY PHÁT ĐIỆN CHẠY DIESEL	4	Bộ
1	Thiết bị định vị dưới nước	3	Bộ	*	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI		
2	Thiết bị thở	2	Bộ	1	Máy lọc nước sinh hoạt	54	Bộ
				2	Hệ thống bơm chống ngập lụt	2	Hệ thống
				3	Thiết bị phóng dây mồi	23	Thiết bị
				4	Súng bắn đạn tín hiệu	20	khẩu
				5	Đạn tín hiệu các loại	60	Viên
				6	Đèn pin CHCN	493	Chiếc
				7	Máy định vị	9	chiếc

3.3. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế văn hóa, xã hội đang ở trong điều kiện an toàn, dễ bị thiệt hại do từng loại thiên tai gây ra.

****) Phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương.***

Bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nắng nóng, rét đậm, rét hại xảy ra với cường độ ngày càng cực đoan và diễn biến bất thường trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của nhiều cơn bão mạnh, trong đó đặc biệt là siêu bão số 3 (Yagi) năm 2024 với cấp độ rủi ro thiên tai đạt cấp 4. Mức độ tổn thương được đánh giá từ lớn đến rất lớn do thiên tai xảy ra dồn dập, "lũ chồng lũ", khiến công tác khắc phục hậu quả năm trước chưa hoàn tất đã tiếp tục bị thiên tai năm sau tác động. Ba đối tượng chịu tổn thương lớn nhất vẫn là: Con người, sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Năm 2024, do ảnh hưởng của hoàn lưu siêu bão số 3 từ ngày 07-12/9, khu vực tỉnh có mưa đặc biệt lớn. Mực nước sông Hoàng Long tại trạm Bến Đé đạt đỉnh 4,93m (vượt báo động III 0,93m), sông Đáy tại Ninh Bình đạt 4,20m (vượt báo động III 0,70m), gây ngập lụt nghiêm trọng vùng bồi và vùng trũng thấp tại các xã Gia Tường, Phú Sơn, Thanh Sơn, Nho Quan, Gia Viễn, Gia Phong, Đại Hoàng, Gia Hưng, Yên Đồng, Yên Cường, Ý Yên, Phong Doanh, Thanh Lâm, Châu Sơn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hàng chục nghìn hộ dân.

Tình trạng xâm nhập mặn diễn biến phức tạp tại xã Kim Đông, Bình Minh, Định Hoá, Phát Diệm, Nghĩa Lâm, Rạng Đông, Quỹ Nhất, ranh giới mặn 4‰ có xu hướng lấn sâu vào nội đồng từ 30-40km vào mùa kiệt, gây khó khăn cho việc lấy nước đổ ải. Hạn hán cục bộ vẫn xảy ra tại các xã miền núi Cúc Phương, Phú Long, Tam Điệp, Trung Sơn, Nguyễn Úy, Lý Thường Kiệt, Tam Chúc do thiếu hụt lượng mưa trong giai đoạn tưới dưỡng lúa xuân.

Trong các năm 2023-2024, nắng nóng gay gắt xảy ra thành nhiều đợt kéo dài. Nhiệt độ cao nhất đo được tại trạm khí tượng Nho Quan đạt 41,0°C (tháng 6/2024). Ngược lại, rét đậm rét hại cũng diễn ra khắc nghiệt, tại vùng núi Cúc Phương nhiệt độ có lúc xuống dưới 7,2°C (tháng 1/2024), gây thiệt hại đáng kể cho đàn gia súc và mạ mới gieo.

Giai đoạn 2021-2025, các hiện tượng thời tiết thủy văn nguy hiểm đã gây thiệt hại cụ thể như sau:

- Năm 2022: Xuất hiện các đợt mưa lớn trái mùa vào tháng 5 làm ngập úng hơn 1.200ha lúa Đông Xuân sắp thu hoạch. Lốc xoáy tại xã Yên Cường, Vạn Thắng, Ý Yên, Kim Đông, Bình Minh, Định Hoá làm tốc mái hơn 150 nhà dân và hư hỏng nhiều diện tích cây ăn quả.

- Năm 2024 (Năm chịu thiệt hại nặng nề nhất do siêu bão số 3 - Yagi và mưa lũ sau bão): Sức gió mạnh cấp 10-12, giạt cấp 14-15 kết hợp mưa hoàn lưu cực lớn đã gây thiệt hại trên toàn tỉnh:

+ Về người: 01 người chết và nhiều người bị thương do cây đổ và sập đổ công trình tạm.

+ Nông nghiệp: Hơn 15.000ha lúa mùa bị ngập úng và đổ ngã; hơn 2.500ha hoa màu, rau màu bị hư hại hoàn toàn. Diện tích cây ăn quả gãy đổ đạt trên 450ha (chủ yếu là chuối, nhãn, dứa). Chăn nuôi và thủy sản: Gần 120.000 con gia cầm bị chết; hàng nghìn héc-ta ao nuôi thủy sản vùng ven biển xã Kim Đông, Bình Minh, Vị Khê, Rạng Đông, Nghĩa Lâm bị tràn bờ, gây mất trắng.

- Cơ sở hạ tầng: Hơn 8.500 ngôi nhà bị tốc mái, hư hỏng; 25 nhà bị sập đổ hoàn toàn. Hệ thống điện: 1.250 cột điện hạ thế và trung thế bị gãy đổ, gây mất điện diện rộng kéo dài nhiều ngày.

- Giáo dục và Y tế: 62 điểm trường và 12 cơ sở y tế bị tốc mái, hư hỏng trang thiết bị; 45 nhà văn hóa thôn bị ảnh hưởng.

- Hệ thống điện: 1.250 cột điện hạ thế và trung thế bị gãy đổ, gây mất điện.

- Công trình Thủy lợi và Giao thông: Nhiều tuyến đê bồi bị tràn và sạt lở (tổng chiều dài sạt lở đê điều đạt trên 12km). Các đoạn kè ven sông Đáy, sông Hoàng Long bị xói lở nghiêm trọng; 15 cống dưới đê bị hư hỏng, rò rỉ. Nhiều tuyến đường tỉnh lộ và đường liên xã Gia Tường, Phú Sơn, Thanh Sơn, Nho Quan, Gia Viễn, Gia Phong, Đại Hoàng, Gia Hưng bị sạt lở vai đường và ngập sâu gây chia cắt giao thông hoàn toàn trong nhiều ngày.

Ước tính tổng giá trị thiệt hại tài sản do thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh đạt trên 1.500 tỷ đồng.

Năm 2025 (Tính đến tháng 10/2025): Nắng nóng và đông lốc đầu mùa gây thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 85 tỷ đồng. Mưa lớn trong tháng 8 tiếp tục gây ngập úng cục bộ cho vùng trũng thấp. Hệ thống tràn Lạc Khoái mặc dù đã được tu bổ nhưng vẫn xuất hiện các cung trượt nhẹ tại mái hạ lưu do nền đất bão hòa nước sau nhiều năm chịu lũ cao.

Tổng kết giai đoạn 2021-2025: Tình trạng dễ bị tổn thương có xu hướng tăng cao ở nhóm đối tượng hạ tầng giao thông và điện lực do tính chất cục đoạn của gió bão. Sản xuất nông nghiệp vẫn là lĩnh vực chịu thiệt hại nặng nề và khó phục hồi nhanh nhất sau các đợt ngập lụt kéo dài.

****) Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:***

- Con người (Đối tượng DBTT):

+ Nhóm ưu tiên: Trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và hộ nghèo/cận nghèo.

+ Nhóm đặc thù theo địa bàn: Cư dân sống tại các khu tập thể cũ, nhà tạm, nhà bán kiên cố tại các đô thị lâu đời (Phường Hoa Lư, Tam Điệp, Trung Sơn).

+ Ngư dân và lao động trên các chòi canh, đầm bãi nuôi trồng thủy sản ven biển (Kim Đông, Bình Minh, Vị Khê, Rạng Đông, Nghĩa Lâm).

+ Khách du lịch tại các khu lưu trú ven núi, hang động và thung lũng (Tràng An, Tam Chúc, Cúc Phương).

- Cơ sở hạ tầng:

+ Hệ thống công trình PCTT: Tuyến đê biển Bình Minh (I, II, III, IV) và đê biển Giao Thủy; các tuyến đê sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Hồng và sông Ninh Cơ; các trạm bơm tiêu úng và hệ thống hồ chứa nước vùng núi.

+ Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống truyền tải điện, trạm biến áp; các trục đường giao thông huyết mạch (Quốc lộ 1A, đường cao tốc, đường ven biển) dễ bị sạt lở hoặc ngập sâu.

+ Nhà ở dân cư: Các khu dân cư vùng bồi (ngoài đê chính) chịu áp lực ngập lụt trực tiếp.

+ Khu vực rốn lũ: Các xã Nho Quan, Thanh Sơn, Gia Tường, Phú Sơn, Đại Hoàng, Gia Phong, Gia Viễn, Gia Hưng, các xã ven sông Đáy như Yên Đồng, Thanh Lâm, Châu Sơn.

- Hoạt động sản xuất:

+ Vùng rủi ro ngập lụt diện rộng: Gia Tường, Thanh Sơn, Phú Sơn, các xã ngoài đê Hoàng Long (Gia Viễn, Gia Phong...). Các phường/xã trũng thấp ven sông Đáy như Nam Hoa Lư, Đông Hoa Lư, Hoa Lư. Khu vực mới sáp nhập: Các xã trũng ven sông Đáy và sông Hồng: Yên Đồng, Ý Yên, Yên Cường, Thanh Lâm, Châu Sơn.

+ Vùng sản xuất nông nghiệp dễ bị hạn hán, nắng nóng: Vùng chuyên canh dứa, chè, cây ăn quả tại các phường Tam Điệp, Trung Sơn. Vùng cây màu và cây dược liệu tại các phường/xã vùng cao: Nguyễn Úy, Tam Chúc, Lý Thường Kiệt, Cúc Phương, Phú Long. Vùng nuôi trồng thủy sản dễ bị nước dâng và xâm nhập mặn: Dải ven biển thuộc các xã Kim Đông, Bình Minh, Rạng Đông, Nghĩa Lâm, Giao Minh, Giao Hưng.

3.4. Tổng hợp kết quả đánh giá

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
Bão, ATNĐ	3-5	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Ven bờ; - Trên đất liền 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển, ven bờ, khu neo đậu trú tránh; - Cơ sở nuôi trồng thủy sản; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, ... - Các hoạt động giao thông, thông tin liên lạc, điện, ... - Dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn; - Phương án ứng phó với hoàn lưu bão (mưa, lũ, ...). 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó với bão, ATNĐ từ cấp 8 đến cấp 12 đổ bộ vào địa bàn tỉnh.
Lũ, ngập lụt	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực ngoài đê; - Khu vực trũng thấp; - Khu vực phân lũ, chập lũ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đê, kè, công trình hồ chứa nước; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, nhà ở, các công trình quan trọng khác; - Dân cư, tài sản, hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân; 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó với lũ đến mực nước lũ lịch sử.
Mưa lớn	1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực đồng bằng; - Khu vực miền núi; - Khu vực trũng, thấp, ngập úng tại các thành phố; - Khu vực ven sông, suối; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng; - Dân cư vùng ven sông; - Cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông, phương tiện vận tải thủy; - Các công trình PCTT: Đê, kè, hồ chứa nước; - Hoạt động sản xuất, ... - Hoạt động xả lũ hồ chứa khi hồ đầy nước do mưa lớn kéo dài; 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó với mưa lớn từ 200mm đến 400mm trong vòng 24 giờ.
Lũ quét, sạt lở đất	Ninh Bình không thuộc khu vực có cấp độ RRTT do lũ quét, sạt lở đất	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực có cảnh báo; - Khu vực chưa có cảnh báo; - Khu vực ven sông suối; - Khu vực dân cư ven đồi, núi, sông, suối; 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Vật nuôi, cây trồng, mùa màng; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng; - Công trình PCTT, công trình giao thông; - Hoạt động sản xuất. 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó với các trận lũ quét, sạt lở đất khi xảy ra mưa lớn từ 200mm đến 400mm trong vòng 24 giờ
Hạn hán	1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực miền núi; - Khu vực đồng bằng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người, vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất; - Nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế. 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó với khi thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài từ 2-3 tháng,

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
				thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với TBNN.
Xâm nhập mặn	1-4	Khu vực cửa sông, ven biển	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất, sinh hoạt,... - Công trình thủy lợi 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25-50 km
Rét hại, sương muối	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực miền núi; - Khu vực đồng bằng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sản xuất; - Người, vật nuôi, cây trồng; 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài trong 10 ngày.
Lốc sét, mưa đá	1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực miền núi; - Khu vực đô thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng. - Vật nuôi, cây trồng - Cây xanh 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trong phạm vi trên 1/2 số xã.
Nắng nóng	1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực đô thị; - Khu vực nông thôn; 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Vật nuôi, cây trồng; - Nước sinh hoạt; - Hoạt động sản xuất, nuôi trồng,... 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trên 41°C kéo dài đến 25 ngày.
Sương mù	1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Trên đất liền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động giao thông trên các tuyến đường bộ, thủy,.... 	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50m.
Nước biển	2-5	<ul style="list-style-type: none"> - Ven biển; 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; 	Đảm bảo đủ năng lực (con người,

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
dâng		- Trên biển; - Vùng nội đồng	- Cơ sở hạ tầng; - Cây trồng, vật nuôi, thủy sản; - Hoạt động sản xuất.	vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi độ cao nước dâng kết hợp thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 4-5m cho khu vực ven biển.
Gió mạnh trên biển	2-3	- Trên biển; - Ven bờ	- Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên sông, biển; - Tàu thuyền và ngư dân ven bờ; - Cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản; - Con người, nhà cửa, cơ sở hạ tầng khu vực ven biển	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó dự báo gió mạnh cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ và từ cấp 9 trở lên cho vùng biển ngoài khơi.
Động đất	1-5	- Ven biển; - Trên biển; - Các công trình cao tầng, kiên cố...	- Con người; - Cơ sở hạ tầng; - Các công trình xây dựng, công trình phòng chống thiên tai, công trình quốc phòng, an ninh. - Hoạt động sản xuất.	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VII đến cấp VIII
Sóng thần	1-5	- Ven biển; - Trên biển;	- Con người; - Cơ sở hạ tầng; - Các công trình xây dựng, công trình phòng chống thiên tai, công trình quốc phòng, an ninh. - Hoạt động sản xuất.	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4-8m.
Cháy rừng tự nhiên	1-5	- Khu vực có rừng tự nhiên; - Khu vực rừng trồng; - Khu vực rừng núi đá.	- Con người; - Cây trồng, vật nuôi; - Hoạt động sản xuất, - Hoạt động sản xuất.	Đảm bảo đủ năng lực (con người, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 35 ngày.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Luật Đê điều ngày 29/11/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023;
- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;
- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;
- Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật thủy lợi;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Nghị định 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia;

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

- Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 7/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn;

- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/2/02/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (nay là Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai.

2. Mục đích

- Rà soát các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn theo các cấp độ từ đó xây dựng phương án ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai (RRTT);

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự (PTDS) tỉnh có cơ sở để chủ động ứng phó, chỉ đạo, phối hợp chỉ huy các hành động, biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại một cách hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu;

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố và chỉ huy, điều hành cũng như tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phòng chống thiên tai;

- Nâng cao tính chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Yêu cầu

- Các ngành, các cấp trong tỉnh phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng ngừa, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Có phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm trên địa bàn;

- Nâng cao năng lực sơ tán, bảo vệ người và tài sản, bảo vệ sản xuất (kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi tạm cư kiên cố, chắc chắn, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai), đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

- Xác định nguồn lực ứng phó thiên tai, dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ công tác ứng phó thiên tai;

- Xác định công tác phòng, ứng phó thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên, là nội dung quan trọng được lồng ghép trong các đề án, dự án và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, ngành, lĩnh vực và địa phương;

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho mọi cán bộ, công chức, viên chức các cấp và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ sự diễn biến khó lường về thiên tai và cách phòng tránh, ứng phó thiên tai, nâng cao cảnh giác và đề cao tinh thần trách nhiệm để chủ động chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho cơ quan, đơn vị, địa phương, cho bản thân, gia đình và xã hội để sẵn sàng phòng tránh, ứng phó khi thiên tai xảy ra.

III. NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

- Các đơn vị, địa phương trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng phương án ứng phó để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó thiên tai ở cấp cao hơn nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Chủ động ứng phó trước mọi tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước tình huống thiên tai có thể xảy ra.

- Thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phương án ứng phó với thiên tai sát với tình hình thực tế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực ứng phó thiên tai của các tổ chức, đơn vị, góp phần hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn; Bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhà cửa của nhân dân, các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt, bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian xảy ra thiên tai.

- Xác định cụ thể những khu vực nguy hiểm, số hộ dân, số người dân cần phải sơ tán, địa điểm sơ tán đến, hậu cần nơi đến sơ tán, phương tiện và nhân lực thực hiện để chủ động triển khai ứng phó thiên tai. Nâng cao năng lực xử lý các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra.

2. Phương châm ứng phó thiên tai

Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng theo phương châm “04 tại chỗ” đáp ứng mục tiêu “ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

3. Phương án ứng phó với các loại hình thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai

3.1. Phương án ứng phó với bão, ATNĐ

3.1.1. Thời điểm ứng phó

- Tin bão, ATNĐ gần Biển Đông di chuyển nhanh, có khả năng gây nguy hiểm cho các hoạt động trên Biển Đông;
- Tin bão, ATNĐ trên Biển Đông;
- Tin bão, ATNĐ khẩn cấp;
- Tin bão, ATNĐ trên đất liền;
- Tin cuối cùng về bão, ATNĐ.

3.1.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Tin bão (ATNĐ) gần Biển Đông di chuyển nhanh, có xu hướng đi vào biển Đông (Chưa có RRTT).
- Kịch bản 2: Tin bão (ATNĐ) trên Biển Đông: có gió mạnh từ cấp 8-13 (RRTT cấp 3).
- Kịch bản 3: Tin bão (ATNĐ) ven bờ; trên đất liền có gió mạnh từ cấp 8-11 (RRTT cấp 3).
- Kịch bản 4: Tin bão mạnh ven bờ; trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 12-15 (RRTT cấp 4).

3.1.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
Chưa có cấp độ rủi ro	Bão (ATNĐ) gần Biển Đông di chuyển nhanh, có xu hướng đi vào biển Đông	Trên biển	Phương án kiểm soát, cảnh báo với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trên biển.	Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trên biển.
3	Bão (ATNĐ) có gió mạnh từ cấp 8-13 trên biển	- Trên biển; - Ven bờ.	- Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trên biển hoặc trong vùng nguy hiểm.	- Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trên biển. - Tàu thuyền, ngư

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	Đông		<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động ven bờ và tàu thuyền tại bến neo đậu tại bến. 	<ul style="list-style-type: none"> dân hoạt động ven bờ và neo đậu tại bến.
3	Bão (ATNĐ) ven bờ, trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 8-11	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Ven bờ; - Đất liền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động ven bờ và tàu thuyền tại bến neo đậu tại bến. - Phương án ứng phó đối nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất trên đất liền. - Phương án đảm bảo an toàn cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Phương án di dân; - Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần trên đất liền,... - Phương án đảm bảo an toàn cho dân khu vực bị ảnh hưởng, dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền, ngư dân hoạt động ven bờ và neo đậu tại bến. - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển. - Dân cư sống trong các nhà yếu, nhà tạm (đặc biệt là người già, phụ nữ mang thai và trẻ em). - Các công trình PCTT: Tuyến đê Bình Minh, Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng,... - Các khu nuôi trồng thủy hải sản phía ngoài các tuyến đê biển.
4	Bão rất mạnh ven bờ, trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 12-15	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Ven bờ; - Đất liền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động ven bờ và tàu thuyền tại bến neo đậu tại bến. - Phương án ứng phó đối với nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất trên đất liền. - Phương án đảm bảo an toàn cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Phương án di dân; - Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền, ngư dân hoạt động ven bờ và neo đậu tại bến. - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển. - Dân cư sống trong các nhà yếu, nhà tạm (đặc biệt là người già, phụ nữ mang thai và trẻ em).

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
			hậu cần trên đất liền,... - Phương án đảm bảo an toàn cho dân khu vực bị ảnh hưởng, dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn.	- Các công trình PCTT: Tuyến đê Bình Minh, Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng,... - Khu nuôi trồng thủy hải sản phía ngoài các tuyến đê biển

3.1.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

* Kịch bản 1: Tin bão (ATNĐ) gần Biển Đông di chuyển nhanh, có xu hướng đi vào biển Đông (Chưa có RRTT)

Nội dung tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Chỉ đạo công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão (ATNĐ) và các thông tin, chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Chỉ đạo thông tin tuyên truyền: Phát tin trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, xã;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền: Thông tin tới các tàu thuyền, phương tiện trên biển biết về thông tin, diễn biến và hướng di chuyển của bão (ATNĐ);
- Chỉ đạo công tác sẵn sàng lực lượng để kịp thời cứu hộ, cứu nạn trên biển.

* Kịch bản 2: Tin bão (ATNĐ) trên Biển Đông: có gió mạnh từ cấp 8-13 (RRTT cấp 3)

Thứ nhất: Công tác chỉ huy

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố.
- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về thiên tai: thông báo trên các phương tiện truyền thông về tin bão, hướng di chuyển và những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về loại hình thiên tai này.
- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính viễn thông đảm bảo an toàn thông tin liên lạc, an toàn cho hàng hóa, bưu gửi theo phương châm 04 tại chỗ và đáp ứng tiêu chí “phòng chống từ sớm, từ xa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản chỉ đạo các xã, phường và các cơ quan có liên quan tổ chức phòng, tránh ứng phó với bão (ATNĐ).

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:
 - + Kiểm đếm, thống kê phương tiện, tàu thuyền trên biển và ven bờ;
 - + Hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm;
 - + Giữ thông tin liên lạc với tàu thuyền đang hoạt động trong vùng nguy hiểm;
 - + Trường hợp có tàu thuyền đang hoạt động hoặc di chuyển trú tránh vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để trú tránh bão thì phải đề nghị Cục Lãnh sự can thiệp;
 - + Xác định thời điểm thích hợp để cấm biển nhằm đảm bảo an toàn về người và phương tiện.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn công trình trọng điểm, công trình PCTT, nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các biện pháp bảo vệ sản xuất:

- + Hướng dẫn, kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa màng, thu dọn lồng bè trước khi bão đổ bộ vào đất liền;
- + Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; xác định các hộ cần phải sơ tán nếu bão độ bão (số hộ/số nhân khẩu), đặc biệt là dân các vùng ven biển, vùng trũng thấp và chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,...

- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống;

- Chỉ đạo công tác cứu hộ cứu nạn trong ứng phó với bão: Tổ chức duy trì hoạt động của cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn ở các cấp;

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động, sử dụng (lực lượng xung kích, quân đội, công an...);

- Xác định các loại phương tiện hiện có của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).

- Chằng, chống nhà cửa, các khu công nghiệp, các cột ăngten; Gia cố nhà trạm, cột cao, cột ăngten, hệ thống truyền dẫn và mạng ngoại vi có khả năng bị ảnh hưởng của thiên tai; Kịp thời bổ sung các thiết bị dự phòng như: máy nổ, nhiên liệu máy nổ, ắc quy, cho các đơn vị trên địa bàn dự kiến nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

- Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông tăng cường xe phát sóng BTS lưu động đến các địa điểm có nguy cơ bị mất liên lạc để sẵn sàng ứng cứu, sẵn sàng Roaming giữa các mạng di động khi có yêu cầu.

- Sắp xếp các công việc cần giao cho lực lượng huy động như:

- + Hỗ trợ sơ tán dân khu vực ven biển có khả năng bị ảnh hưởng;
- + Giúp dân thu hoạch mùa vụ trước khi bão đổ bộ;
- + Giúp dân chằng chống nhà cửa;
- + Giúp dân sơ tán lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản;
- + Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, ngầm tràn, các công trình trọng điểm, công trình phòng chống thiên tai;
- + Đảm bảo xử lý nhanh khi xảy ra các sự cố để đảm bảo cho quá trình chỉ đạo, chỉ huy thiên tai được nhanh chóng, thuận lợi;
- Lên phương án cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó thiên tai;
- + Lực lượng, phương tiện cần huy động;
- + Các nhiệm vụ cần thực hiện (cấp cứu kịp thời các đối tượng gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn,...).

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư sử dụng để ứng phó với bão:
- + Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển, công trình giao thông ... (đá hộc, cát, đất, rọ thép, bao tải...);
- + Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa (bao tải, gạch, cát, dây điện...);
- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

*** Kịch bản 3: Tin bão (ATNĐ) ven bờ, trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 8-11(RRTT cấp 3)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức họp để triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;
- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;
- Chỉ đạo các Sở, ban ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;
- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính viễn thông đảm bảo an toàn thông tin liên lạc, an toàn cho hàng hóa, bưu gửi theo phương châm 04 tại chỗ và đáp ứng tiêu chí “phòng chống từ sớm, từ xa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát tại khu vực dự kiến bão đổ bộ;

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;
- Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;
- Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm,...
- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;
- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;
- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động, sử dụng (lực lượng xung kích, quân đội, công an...);
- Xác định các loại phương tiện hiện có của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).
- Chằng, chống nhà cửa, các khu công nghiệp, các cột ăngten; Gia cố nhà trạm, cột cao, cột ăngten, hệ thống truyền dẫn và mạng ngoại vi có khả năng bị ảnh hưởng của thiên tai; Kịp thời bổ sung các thiết bị dự phòng như: máy nổ, nhiên liệu máy nổ, ắc quy, cho các đơn vị trên địa bàn dự kiến nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.
- Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông tăng cường xe phát sóng BTS lưu động đến các địa điểm có nguy cơ bị mất liên lạc để sẵn sàng ứng cứu, sẵn sàng Roaming giữa các mạng di động khi có yêu cầu.
- Giao nhiệm vụ cho lực lượng huy động:
 - + Giúp dân sơ tán lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản;
 - + Giúp dân thu hoạch mùa vụ trước khi bão đổ bộ;
 - + Giúp dân chằng chống nhà cửa;
 - + Hỗ trợ giúp dân sơ tán đến các nhà kiên cố khi có lệnh sơ tán, di dời dân;
 - + Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai;
 - + Đảm bảo xử lý nhanh khi xảy ra các sự cố để đảm bảo cho quá trình chỉ đạo, chỉ huy thiên tai được nhanh chóng, thuận lợi;
- Đảm bảo an toàn công trình, cơ sở hạ tầng:
 - + Chằng, chống nhà cửa, các khu công nghiệp, gia cố, bảo vệ các công trình bảo vệ môi trường, các trụ ăng ten,....;

+ Kiểm soát chặt chẽ các công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê sông, đê biển,...

+ Ứng trực tại các công trình trọng điểm, có xung yếu, sự cố để sẵn sàng ứng phó.

- Lên phương án cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó thiên tai:

+ Lực lượng, phương tiện cần huy động;

+ Các nhiệm vụ cần thực hiện (cấp cứu kịp thời các đối tượng gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn,...).

- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng công an: đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán; đảm bảo an toàn giao thông, thông suốt khi bão (ATNĐ) đổ bộ;

+ Lực lượng điện lực: đảm bảo an toàn điện lưới; khắc phục nhanh các sự cố về điện để phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành cũng triển khai các kế hoạch khác;

- Lực lượng thông tin: Đảm bảo an toàn các cột viễn thông, thông tin liên lạc; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành;

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chông chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư sử dụng để ứng phó với bão:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển, công trình giao thông ... (đá học, cát, đất, rọ thép, bao tải...);

+ Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa (bao tải, gạch, cát, dây điện...);

+ Vật tư, lương thực nơi sơ tán;

+ Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực có thể bị chia cắt.

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Huy động các phương tiện để hỗ trợ dân trong quá trình sơ tán;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân nơi sơ tán;

- Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

*** Kịch bản 4: Khi có tin bão hoạt động ven bờ; trên đất liền có gió mạnh từ cấp 12-15 (RRTT cấp 4)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức họp để triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;

- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính viễn thông đảm bảo an toàn thông tin liên lạc, an toàn cho hàng hóa, bưu gửi theo phương châm 04 tại chỗ và đáp ứng tiêu chí “phòng chống từ sớm, từ xa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát tại khu vực dự kiến bão đổ bộ;

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;

- Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;

- Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm,...

- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;

- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;

- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...

- Chằng, chống nhà cửa, các khu công nghiệp, các cột ăngten; Gia cố nhà trạm, cột cao, cột ăngten, hệ thống truyền dẫn và mạng ngoại vi có khả năng bị ảnh hưởng của thiên tai; Kịp thời bổ sung các thiết bị dự phòng như: máy nổ, nhiên liệu máy nổ, ắc quy, cho các đơn vị trên địa bàn dự kiến nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

- Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông tăng cường xe phát sóng BTS lưu động đến các địa điểm có nguy cơ bị mất liên lạc để sẵn sàng ứng cứu, sẵn sàng Roaming giữa các mạng di động khi có yêu cầu.

- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:

- + Giúp dân chằng chống nhà cửa;
- + Giúp dân sơ tán đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, ...);
- + Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai;
- + Đảm bảo xử lý nhanh khi xảy ra các sự cố để đảm bảo cho quá trình chỉ đạo, chỉ huy thiên tai được nhanh chóng, thuận lợi;
- Đảm bảo an toàn công trình, cơ sở hạ tầng:
 - + Chằng, chống nhà cửa, bảo vệ các công trình trên cảng biển, công trình bảo vệ môi trường, các khu công nghiệp, các trụ ăng ten,...;
 - + Kiểm soát chặt chẽ an toàn hồ chứa nước, công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê sông, đê biển,...
- + Ứng trực tại các công trình trọng điểm, có xung yếu, sự cố để sẵn sàng ứng phó
 - Lên phương án cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó thiên tai:
 - + Bố trí lực lượng đã huy động tại các điểm sơ tán;
 - + Cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương;
 - + Tìm kiếm các phương tiện và người bị mất tích;
 - + Trưng dụng các cơ sở vật chất hiện có để tiếp nhận các trường hợp bị nạn;
 - + Huy động thuốc men để tham gia cấp cứu người bị nạn;
 - + Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh,...
 - Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:
 - + Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Quản lý chặt chẽ các loại đối tượng; Bố trí lực lượng canh gác tại các khu vực sơ tán dân đến; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng ,...
 - + Lực lượng điện lực: Kiểm tra hệ thống lưới điện tại các địa bàn để xử lý kịp thời tình huống sự cố do bão gây ra; Cấp điện khi bị sự cố, đặc biệt ưu tiên đối với các vị trí đang chỉ đạo ứng phó; Xử lý các sự cố về điện; Phân công trách nhiệm cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ.
 - + Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông (nếu hệ thống điện thoại cố định bị sự cố thì dùng máy điện thoại di động của các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel,.. Nếu cả mạng cố định và mạng di động đều không liên lạc được thì dùng các máy thông tin vô tuyến lưu động...); Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên;

+ Lực lượng giao thông: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông khi bão đổ bộ và mưa lũ; Cắm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do bão gây ra; Phân công cụ thể cho các sở, ngành và các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chông chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư sử dụng để ứng phó với bão:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển, công trình giao thông ... (đá hộc, cát, đất, rọ thép, bao tải...);

+ Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa (bao tải, gạch, cát, dây điện...);

+ Vật tư, lương thực nơi sơ tán;

+ Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực có thể bị chia cắt.

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống bão:

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng chuẩn bị các lượng thực như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó với bão;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại xây dựng và triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng chịu ảnh hưởng của bão, mưa lũ và sự điều động của cấp trên;

+ Chuẩn bị các nhu yếu phẩm về cơ sở thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu;

- Tổ chức phương án đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

3.2. Phương án ứng phó với lũ, ngập lụt

3.2.1. Thời điểm ứng phó

- Tin cảnh báo lũ ở mức báo động 1-2 trên một số lưu vực sông;

- Tin cảnh báo lũ ở mức báo động 2-3 trên một số lưu vực sông;

- Tin cảnh báo lũ ở mức trên báo động 3 đến lũ lịch sử ở một số lưu vực sông;

- Tin cảnh báo lũ vượt mức lũ lịch sử ở một số lưu vực sông.

3.2.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Mức nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trực Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé ở mức báo động 1-2 (RRTT cấp 1).

- Kịch bản 2: Mức nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trực Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé ở mức báo động 2-3 (RRTT cấp 2).

- Kịch bản 3: Mức nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trực Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé ở mức báo động 3 đến lũ lịch sử (RRTT cấp 3).

- Kịch bản 4: Mức nước lũ trên sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý; mức nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé trên lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế (RRTT cấp 4).

3.2.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

Cấp độ rủi ro	Mức báo động lũ tại các lưu vực sông	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Lũ trên các sông Đáy; sông Hồng; sông Đào; sông Ninh Cơ; sông Hoàng Long tại các trạm thủy văn ở mức báo động 1-2	Khu vực phía bãi sông ngoài đê.	Phương án đảm bảo cho hoạt động sản xuất vùng bãi sông;	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư sinh sống ở các bãi ven sông; - Các hoạt động sản xuất vùng bãi sông; - Đảm bảo an toàn cho các công trình PCTT: đê, kè cống, hồ chứa...
2	Lũ trên các sông Đáy; sông Hồng; sông Đào; sông Ninh Cơ; sông Hoàng Long tại các trạm thủy văn ở mức báo động 2-3	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực bãi sông ngoài đê; - Khu vực vùng trũng thấp; - Sinh hoạt, sản xuất của người dân vùng ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng lu, ngập lụt; vùng trũng thấp, dọc ven sông; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa ngàng; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông khu vực ngập lũ; - Phương án ứng phó với các công trình khi xảy ra sự cố như đê, kè, hồ chứa nước; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng lũ, ngập lụt; vùng trũng thấp, ven sông; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo an toàn cho các công trình PCTT: đê, kè cống, hồ chứa...
3	Lũ trên các sông Đáy; sông Hồng; sông Đào; sông Ninh Cơ; sông Hoàng Long tại các trạm	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực ven sông; - Khu vực vùng trũng thấp; - Khu vực hạ lưu hồ chứa; - Sinh hoạt, sản xuất của người dân vùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo cho người, tài sản trong vùng lũ, ngập lụt; vùng ven sông; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa ngàng; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông khu vực ngập lũ; - Phương án đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng lũ, ngập lụt; vùng trũng thấp, ven sông; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo an toàn cho các công trình PCTT: đê, kè cống, hồ chứa...

Cấp độ rủi ro	Mức báo động lũ tại các lưu vực sông	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	thủy văn ở mức báo động 3 đến lũ lịch sử	ảnh hưởng.	thông tin liên lạc khu vực bị ngập lụt; - Phương án ứng phó với các công trình khi xảy ra sự cố như đê, kè, hồ chứa nước;	
4	Lũ trên sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý; sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đê trên lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực ven sông; - Khu vực trũng thấp; - Khu vực hạ lưu hồ chứa; - Sinh hoạt, sản xuất của người dân vùng ảnh hưởng. - Khu phân lũ, chậm lũ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo cho người, tài sản trong vùng lũ, ngập lụt; vùng ven sông; vùng phân lũ, chậm lũ; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa ngành; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông khu vực ngập lũ; - Phương án đảm bảo cho cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt; khu vực phân lũ, chậm lũ; - Phương án đảm bảo thông tin liên lạc khu vực bị ngập lụt; - Phương án đảm bảo thông tin liên lạc khu vực bị ngập lụt; khu vực phân lũ, chậm lũ; - Phương án ứng phó với các sự cố công trình; các tình huống khẩn cấp; phương án hộ đê, phân lũ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng lũ, ngập lụt; vùng trũng thấp, ven sông; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt; khu vực phân lũ, chậm lũ; - Đảm bảo an toàn cho các công trình PCTT: đê, kè công, hồ chứa...

3.2.4. Nội dung ứng phó với từng kịch bản

*** Kịch bản 1: Mức nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trục Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đê ở mức báo động 1-2 (RRTT cấp 1)**

Nội dung tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Theo dõi diễn biến của lũ, ngập lụt;
- Chỉ đạo công tác trực ban và các thông tin, chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với lũ, ngập lụt: Ban hành văn bản, thông báo, ...
- Chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền: Phát tin trên các phương tiện truyền thông về tình hình mưa lũ và ngập lụt đang diễn ra;
- Chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị nắm chắc địa bàn, căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến cụ thể của lũ, ngập lụt để triển khai các công việc ứng phó;
- Chỉ đạo các đơn vị quản lý hồ chứa thực hiện nghiêm quy trình vận hành hồ chứa đã được duyệt;
- Chỉ đạo công tác sẵn sàng lực lượng để kịp thời cứu hộ, cứu nạn đối với vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị ngập lũ, các trọng điểm đối với các công trình phòng chống lũ (đê, kè, cống, hồ chứa,...).

*** Kịch bản 2: Mực nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trực Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé ở mức báo động 2-3 (RRTT cấp 2)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;
- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về thiên tai: thông báo trên các phương tiện truyền thông về thông tin mưa lũ, ngập lụt; vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về loại hình thiên tai này;
- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Tiếp tục chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản chỉ đạo các xã, phường và các cơ quan có liên quan tổ chức phòng, tránh ứng phó với lũ, ngập lụt;
- Rà soát, xác định các công trình bảo vệ môi trường có nguy cơ bị ảnh hưởng, chỉ đạo công tác phòng chống, cảnh báo nguy cơ phát sinh chất thải ra môi trường;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho người dân (theo từng cấp):
 - + Đảm bảo an toàn cho dân ở vùng trũng thấp, vùng ven sông, vùng có nguy cơ bị sạt lở;
 - + Đảm bảo an toàn cho việc đi lại của người dân ở vùng lũ, ngập lụt.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát phát hiện các sự cố công trình:
 - + Tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè;
 - + Tổ chức thực hiện xử lý giờ đầu đối với hệ thống đê điều theo phương châm 4 tại chỗ.
 - Chỉ đạo công tác cứu hộ, cứu nạn, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích,...
 - Chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng ứng phó tại các khu vực trũng thấp, ngập sâu để chủ động kiểm soát người, phương tiện đi qua các khu vực nguy hiểm;
 - Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các biện pháp bảo vệ sản xuất:
 - + Hướng dẫn, kiểm tra việc dọn dẹp, kê cao đồ đạc trong nhà cửa khi bị ngập lũ;
 - + Hướng dẫn thu hoạch mùa màng đối với khu vực ngập lụt;
 - + Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; xác định các hộ cần phải sơ tán nếu bị ngập lụt cao, đặc biệt là dân các vùng ngoài đê, vùng trũng thấp, vùng hạ lưu hồ chứa xả lũ,..., chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật, ...
 - Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống;
 - Chỉ đạo công tác cứu hộ cứu nạn trong ứng phó với lũ, ngập lụt: Tổ chức và duy trì hoạt động của cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn ở các cấp.
- Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ*
- Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động, sử dụng (đội thanh niên xung kích, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản, công an, quân đội,..);
 - Xác định các loại phương tiện, vật tư của các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).
 - Giao công việc cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
 - + Giúp dân thu hoạch mùa vụ;
 - + Hỗ trợ sơ tán dân khu vực bị ngập lụt, khu vực ngoài đê khi lũ lên cao;
 - + Hướng dẫn người dân chuẩn bị các lương thực, thực phẩm để đủ ăn cho các ngày bị ngập lụt, kê cao đồ đạc quan trọng trong nhà;
 - + Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai;
 - + Hướng dẫn đi lại của người dân trong vùng lũ;

- + Chủ động dừng các hoạt động trên sông khi thấy không an toàn;
 - + Kiểm tra các thiết bị điện; di dời các tài sản, lương thực ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;
 - Kiểm soát, nghiêm cấm các thực hiện hoạt động vớt củi trên sông khi có lũ;
 - Chuẩn bị phương tiện và lực lượng để tìm kiếm người bị lũ cuốn trôi;
 - Lên phương án cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó thiên tai:
 - + Lực lượng, phương tiện cần huy động;
 - + Các nhiệm vụ cần thực hiện (cấp cứu kịp thời các đối tượng gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn,...);
 - Bố trí lực lượng chốt chặn, chủ động cấm người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm, tràn bị ngập sâu hoặc mất an toàn do mưa, lũ gây ra; các khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy lớn...;
 - Bố trí các lực lượng để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn và tìm kiếm người, phương tiện, cơ sở hạ tầng bị thiệt hại.
- Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ*
- Xác định các loại vật tư có thể trung dụng để ứng phó với lũ, ngập lụt: Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, kè, cống và xử lý sạt lở công trình giao thông, công trình bảo vệ môi trường ...;
 - Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;
 - Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
 - Xác định lực lượng, phương tiện của các đơn vị để huy động, trung dụng khi cần thiết (thành phần lực lượng /số lượng bao nhiêu/phương tiện gì/ vị trí tập kết của phương tiện);
 - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng, các sở ngành và địa phương;
 - Theo dõi chặt chẽ tình hình mưa, lũ, ngập lụt để thông báo cho dân vùng bị ảnh hưởng chủ động các biện pháp phòng tránh. Tùy vào tình hình cụ thể để tổ chức, hướng dẫn sơ tán dân, tài sản đến nơi an toàn; chuẩn bị các phương án về an ninh trật tự, thông tin liên lạc, phân luồng giao thông, vật tư nhu yếu phẩm khi có yêu cầu;
 - Tổ chức đảm bảo an toàn sản xuất: thu hoạch lúa, hoa màu đã đến vụ;
- + Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm;

- + Cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương;
- + Tìm kiếm các phương tiện và người bị mất tích;
- + Trưng dụng các cơ sở vật chất hiện có để tiếp nhận các trường hợp bị nạn;
- + Huy động thuốc men để tham gia cấp cứu người bị nạn;
- + Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh,...

*** Kịch bản 3: Mực nước lũ trên các sông: sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý, Như Tân và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trục Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đẽ ở mức báo động 3 đến lũ lịch sử (RRTT cấp 3)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức họp để triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;
- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;
- Chỉ đạo các Sở, ban ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu, sự cố các công trình, quy trình vận hành, xả lũ hồ chứa,...
- Chỉ đạo các biện pháp đảm bảo an toàn các công trình bảo vệ môi trường, cảnh báo, giám sát, ngăn ngừa nguy phát sinh chất thải ra môi trường;
- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;
- Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;
- Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm,...
- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;
- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;
- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;
- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí, ...).

- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
 - + Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;
 - + Hỗ trợ, giúp dân sơ tán dân vùng bị ngập lũ nặng;
 - + Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;
 - + Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng chảy xiết;
 - + Kiểm tra các thiết bị điện; di dời các tài sản, lương thực ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;
 - + Không thực hiện hoạt động vớt củi trên sông khi có lũ;
 - + Đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán; phương án đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành; đảm bảo phương án cấp điện, vật tư, nhu yếu phẩm và các vật dụng khác để thực hiện;
 - + Sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn: tổ chức tìm kiếm người, phương tiện do lũ cuốn trôi; cứu chữa người bị thương; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn các trụ sở, cơ quan, trường học, bệnh viện để tiếp nhận cứu người;
 - + Hỗ trợ trông giữ trẻ tập trung; kiểm soát thường xuyên trẻ em để không đi ra các khu vực nguy hiểm.
- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:
 - + Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Quản lý chặt chẽ các loại đối tượng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng, ...
 - + Lực lượng điện lực: Kiểm tra hệ thống lưới điện tại các địa bàn để xử lý kịp thời tình huống sự cố; Phân công trách nhiệm cho các đơn vị/doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ;
 - + Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện; thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên.
 - + Lực lượng giao thông: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng lũ, ngập lụt; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do lũ gây ra; Phân công cụ thể cho các sở, ngành và các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn;
- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chồng chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ, ngập lụt:
 - + Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình trọng điểm, công trình PCTT, đặc biệt là các sự cố về đê điều, kè công, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông, công trình bảo vệ môi trường...;
 - + Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt.
- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;
- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;
- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống lũ và ngập lụt:
 - + Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ có lệnh điều động;
 - + Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng chuẩn bị lương thực phẩm như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó với lũ, ngập lụt;
 - + Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi lũ và ngập lụt kéo dài;
 - + Chuẩn bị các nhu yếu phẩm về cơ số thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.
- Sẵn sàng vật tư để ứng phó khi có sự cố xảy ra đối với các công trình phòng chống thiên tai, đê điều;
- Sẵn sàng lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng;
- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện để triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn.

*** Kịch bản 4: Mục nước lũ trên sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý; mục nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đẽ trên lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế (RRTT cấp 4)**

Triển khai thực hiện theo Phương án hộ đê toàn tuyến và ứng phó với trường hợp lũ lớn vượt tần suất thiết kế của UBND tỉnh.

3.3. Phương án ứng phó với mưa lớn

3.3.1. Thời điểm ứng phó

- Tin lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày;
- Tin lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày;
- Tin lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày;

3.3.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số xã của tỉnh (RRTT cấp 1);
- Kịch bản 2: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số xã của tỉnh (RRTT cấp 2);
- Kịch bản 3: Lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày trong phạm vi toàn tỉnh (RRTT cấp 3);

3.3.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian mưa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số xã của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng trung tâm xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; hạ lưu các hồ chứa; - Vùng trũng thấp; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; - Phương án đảm bảo an toàn cho người qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngâm tràn, cầu, cống,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở;
2	Lượng mưa từ 100 - 200mm trong 24	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng trung tâm xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; Hạ lưu các hồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó tiêu thoát nước đê; - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở;

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian mưa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	giờ hoặc từ 50 - 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ trên 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số xã của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> chứa; - Vùng trũng thấp; - Vùng đồng bằng; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Vùng ngoài đê; - Đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho người qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngầm tràn, cầu, cống,... - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ hồ chứa khi hồ đầy nước do mưa lớn; - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra do mưa lớn. 	
3	Lượng mưa từ trên 200 - 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày hoặc lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày trong phạm vi toàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng trung tâm xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; hạ lưu các hồ chứa; - Vùng trũng thấp; - Vùng đồng bằng; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Vùng ngoài đê; - Đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó tiêu thoát nước đê; - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; - Phương án đảm bảo an toàn cho người qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngầm tràn, cầu, cống,... - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra do mưa lớn; - Phương án đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai, tiêu thoát nước, cầu, cống ... - Phương án vận hành tràn sản lũ hồ chứa khi hồ đầy nước do mưa lớn; 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở; - Các khu vực ven sông, ven suối;

3.3.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

*** Kịch bản 1: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số xã của tỉnh (RRTT cấp 1)**

Đối với kịch bản này chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Theo dõi diễn biến của mưa lớn;
- Chỉ đạo công tác trực ban và nắm bắt các thông tin, chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với mưa lớn: Ban hành văn bản, công điện, thông báo,...
- Chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền: Phát tin trên các phương tiện truyền thông về tình hình mưa lớn, thời gian mưa và cường độ mưa đang diễn ra;
- Chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị nắm chắc địa bàn, căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến cụ thể của mưa lớn để triển khai các công việc ứng phó;
- Chỉ đạo các đơn vị quản lý hồ chứa thực hiện nghiêm quy trình vận hành hồ chứa đã được duyệt;
- Chỉ đạo công tác sẵn sàng lực lượng để kịp thời cứu hộ, cứu nạn đối với những vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị ngập lũ, các trọng điểm đối với các công trình phòng chống lũ (đê, kè, cống, hồ chứa,...)

*** Kịch bản 2: Lượng mưa 24h từ 100-200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số xã của tỉnh (RRTT cấp 2)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;
- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;
- Chỉ đạo các sở, ban ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu, sự cố các công trình, quy trình vận hành, xả lũ hồ chứa,...
- Tù ý theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;
- Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;
- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;
- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;
- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để chủ động, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí, ...).

- Giao các công việc cho các lực lượng đã huy động bao gồm:

+ Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;

+ Hỗ trợ, giúp dân sơ tán dân đối với vùng mưa lớn, bị ngập lũ nặng (nêu cụ thể các xã bị ngập nặng cần phải sơ tán);

+ Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;

+ Tổ chức cắm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cắm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập;

- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng, ...

+ Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên.

+ Lực lượng giao thông: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn, ngập lụt; Cắm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do mưa lớn gây ra; Phân công cụ thể cho các sở, ngành và các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích, ... trên các địa bàn để tránh chồng chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để đối phó với mưa lớn:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, các sự cố về đê điều, kè cống, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông, công trình bảo vệ môi trường...;

+ Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt;

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực đối phó, hỗ trợ nhân dân đối phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống mưa lớn và ngập lụt.

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi mưa lớn và ngập lụt kéo dài.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện để triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn.

*** Kịch bản 3: Lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày trong phạm vi toàn tỉnh (RRTT cấp 3)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;

- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Chỉ đạo các sở, ban ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát các công trình trọng điểm, PCTT, xung yếu, quy trình vận hành, xả lũ hồ chứa,... Tổ chức tuần tra canh gác, đặc biệt là các vị trí xung yếu hoặc các công trình có sự cố;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo tiêu thoát lũ, ngập ứng tại các vùng trũng thấp;

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố phát tán chất thải ra môi trường;

- Quyết định cho các cháu học sinh nghỉ học;

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;

- Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;

- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;

- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;

- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...);
- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
 - + Tổ chức sơ tán người ra khỏi các khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp; đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;
 - + Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;
 - + Hỗ trợ, giúp dân sơ tán dân đối với vùng mưa lớn, bị ngập lũ nặng (nêu cụ thể các xã bị ngập nặng cần phải sơ tán);
 - + Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất như: đẩy nhanh thu hoạch các diện tích sản xuất nông nghiệp đã chín vụ, các diện tích nuôi trồng thủy, hải sản, bảo vệ bờ bao các ao, hồ...
 - + Rà soát, kiểm tra bảo đảm các hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu thông tin cảnh báo, chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai;
 - + Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;
 - + Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập;
- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý;
- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chòng chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để đối phó với mưa lớn:
 - + Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, các sự cố về đê điều, kè cống, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông, công trình bảo vệ môi trường...;
 - + Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt.
- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;
- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống mưa lớn và ngập lụt;

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi mưa lớn và ngập lụt kéo dài.

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn người, phương tiện bị mất tích, cuốn trôi; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

3.4. Phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc do dòng chảy

3.4.1. Thời điểm ứng phó

- Khi lũ quét, sạt lở có Rủi ro thiên tai cấp 1;

- Lũ quét, sạt lở đất có Rủi ro thiên tai cấp 2;

- Lũ quét, sạt lở đất có rủi ro thiên tai cấp 3;

3.4.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày (RRTT cấp 1);

- Kịch bản 2: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày (RRTT cấp 2);

- Kịch bản 3: Lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày (RRTT cấp 3);

3.4.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa (lượng mưa 24h)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng bảo vệ
1	Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng xảy ra mưa lớn; - Khu vực đã có mưa nhiều ngày, đất đai đạt đến độ bão hòa, có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất; - Khu dân cư, nhà cửa ven đồi 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án di dời sơ tán dân; - Phương án tìm kiếm cứu nạn người, tài sản bị lũ quét, sạt lở đất vùi lấp; - Phương án hỗ trợ dân khắc phục hậu quả; - Phương án khắc phục giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo an toàn cho các hồ chứa...

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa (lượng mưa 24h)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng bảo vệ
		núi, sông suối; - Cơ sở hạ tầng.		
2	Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày	- Vùng xảy ra mưa lớn; - Khu vực có nguy cơ cao xảy ra quét, sạt lở đất; - Khu dân cư, nhà cửa ven đồi núi, sông suối - Cơ sở hạ tầng.	- Phương án di dời sơ tán dân; - Phương án tìm kiếm cứu nạn người, tài sản bị lũ quét, sạt lở đất vùi lấp; - Phương án hỗ trợ dân khắc phục hậu quả; - Phương án khắc phục giao thông.	- Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo an toàn cho các hồ chứa...
3	Lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày	- Khu vực có nguy cơ rất cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Khu dân cư, nhà cửa ven đồi núi, sông suối - Cơ sở hạ tầng.	- Phương án di dời sơ tán dân; - Phương án tìm kiếm cứu nạn người, tài sản bị lũ quét, sạt lở đất vùi lấp; - Phương án hỗ trợ dân khắc phục hậu quả; - Phương án khắc phục giao thông.	- Đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất mùa màng; - Đảm bảo an toàn cho các hồ chứa...

3.4.4. Phương án, giải pháp ứng phó với từng kịch bản

* Kịch bản 1: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày (RRTT cấp 1)

Phương án, giải pháp ứng phó đối với kịch bản này chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Chỉ đạo, thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ;
- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với mưa lớn, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất:

+ Thông tin truyền thông tới cấp xã;

+ Tuyên truyền, hướng dẫn người dân chủ động đảm bảo an toàn cho người trong vùng bị ảnh hưởng của mưa lớn, nhất là vào ban đêm có thể xảy ra lũ quét;

- Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

* Kịch bản 2: Lượng mưa 24h từ 100 - 200mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày (RRTT cấp 2);

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó;
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra hiện trường, khắc phục nhanh để sớm ổn định đời sống của nhân dân vùng bị ảnh hưởng;
- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;
- Lực lượng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).
- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
 - + Xác định các địa điểm sơ tán với các yêu cầu tối thiểu về chỗ ở, chất đốt, nước sạch, lương thực; dịch vụ y tế, vệ sinh môi trường;
 - + Hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, v.v...
 - + Thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra;
 - + Khôi phục nhà cửa;
 - + Triển khai nhanh các điều kiện tối thiểu theo phương án đã chuẩn bị trước để đảm bảo cuộc sống cho nhân dân tại nơi sơ tán (nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống; bố trí nhà tạm tại nơi an toàn);
 - + Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;
 - + Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập;
 - Xử lý các điểm ách tắc giao thông do sạt lở gây ra;
 - Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chông chéo.

Thứ ba: Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ quét, sạt lở đất: Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt.
- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường

hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân.

- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống lũ quét, sạt lở đất. Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

*** Kịch bản 3: Lượng mưa 24h từ 200 - 400mm và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày (RRTT cấp 3)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

Công tác chỉ đạo chỉ huy sẽ được thực hiện như với RRTT cấp độ 2 và thêm các nội dung sau:

- Triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương; thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Quyết định hỗ trợ người dân vùng bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân hoặc hỗ trợ dân di dời đến nơi ở mới;

- Lực lượng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

Thứ hai: Công tác huy động lực lượng, phương tiện và hậu cần tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện để cứu chữa kịp thời những người bị thương; người bị thương nặng phải được chuyển nhanh lên tuyến trên để cứu chữa; khẩn trương tìm kiếm những người còn mất tích;

- Huy động lực lượng để sơ tán, di chuyển những người còn sống sót tới nơi an toàn; dựng lều bạt; cứu trợ khẩn cấp các điều kiện thiết yếu cho đồng bào; động viên, thăm hỏi, chia sẻ đau thương mất mát, hỗ trợ kịp thời về vật chất và tinh thần cho những người bị mất người thân, mất mát tài sản;

- Huy động lực lượng phối hợp với cộng đồng thôn, bản và thân nhân người bị nạn thực hiện việc chôn cất người bị chết theo phong tục của địa phương và thực hiện kịp thời hỗ trợ mai táng phí;

- Thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại thực tế, đối chiếu chính sách hiện hành quy định hiện hành để trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chính phủ xét, quyết định mức cứu trợ khẩn cấp cho các gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Tổ chức khắc phục hậu quả do lũ quét, sạt lở đất gây ra, gồm:

- + Hệ thống thông tin liên lạc phải được ưu tiên hàng đầu để chính quyền ở cấp cơ sở báo cáo được tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp;

- + Hệ thống giao thông, cầu cống và đường dân sinh đảm bảo cho công tác

cứu hộ, cứu nạn, công tác cứu trợ khẩn cấp có thể tiếp cận sớm nhất với đồng bào vùng bị thiên tai;

+ Dọn dẹp vệ sinh môi trường, đặc biệt là môi trường để phòng tránh dịch bệnh phát sinh. Khi phát hiện có dấu hiệu của dịch bệnh phải tập trung lực lượng, phương tiện khoanh vùng, bao vây, dập tắt dịch trong thời gian ngắn nhất, hạn chế lây lan ra cộng đồng;

- Thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại;

- Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị thiệt hại.

3.5. Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn

3.5.1. Thời điểm ứng phó

- Thiếu hụt lượng mưa trên 50% từ tháng 2 - 3 và thiếu hụt nguồn nước mặt trong từ 20 - 50%; độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25 - 50km (RRTT cấp 1).

- Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 20 - 50%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 15 - 25km (RRTT cấp 2).

- Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 50 - 70%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25 - 50km (RRTT cấp 3).

- Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt 70%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 50 - 90km (RRTT cấp 4).

3.5.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Thiếu hụt lượng mưa trên 50% từ 2 - 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 20 - 50%; độ mặn từ 1‰ - 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 15 - 25km (RRTT cấp 1-2).

- Kịch bản 2: Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 50 - 70%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25 - 50km (RRTT cấp 3-4).

3.5.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Thiếu hụt nguồn nước và độ mặn xâm nhập	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1-2	Thiếu hụt lượng mưa trên 50% từ 2 - 5 tháng và	- Nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế; - Vật nuôi, cây	- Phương án cung cấp nước sinh hoạt; - Phương án đảm bảo cung cấp	- Đảm bảo đủ nước cho người, vật nuôi và cây trồng;

Cấp độ rủi ro	Thiếu hụt nguồn nước và độ mặn xâm nhập	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	thiếu hụt nguồn nước mặt từ 20 - 50%; độ mặn từ 1‰ - 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 15 - 25km	trồng; - Hoạt động sản xuất.	nước cho sản xuất, nuôi trồng; - Phương án điều tiết vận hành hồ chứa; - Phương án điều chỉnh mùa vụ.	- Đảm bảo cho hoạt động sản xuất mùa màng;
3-4	Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 50 - 70%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25 - 50km	- Nước sinh hoạt/ nhu cầu thực tế; - Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất.	- Phương án cung cấp nước sinh hoạt; - Phương án đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất, nuôi trồng; - Phương án điều chỉnh mùa vụ; - Phương án tưới tiết kiệm; - Phương án sử dụng các biện pháp phi công trình.	- Đảm bảo đủ nước cho người, vật nuôi và cây trồng; - Đảm bảo cho hoạt động sản xuất mùa màng;

3.5.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

*** Kịch bản 1: Thiếu hụt lượng mưa trên 50% từ 2 - 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 20 - 50%; độ mặn từ 1‰ - 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 15 - 25km (RRTT cấp 1-2)**

a) Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo thông qua các văn bản hành chính (Công điện về phòng chống hạn hán);

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn tăng cường phối hợp với các Công ty khai thác công trình Thủy lợi trên địa bàn tỉnh để xác định khả năng cung cấp nước tưới, xây dựng phương án bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với khả năng cân đối nguồn nước;

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp về công trình, phi công trình liên quan đến nguồn nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt;

- Chỉ đạo công tác vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước;

quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc; sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước.

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó.

b) Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Huy động lực lượng và các ngành thực hiện các giải pháp đảm bảo sử dụng nước; cung cấp nước:

+ Sử dụng các máy bơm của hộ gia đình bơm nước từ các khe suối, ao, hồ để phục vụ chống hạn;

+ Đào giếng các ao hồ nhỏ để cấp nước tưới;

+ Khoan giếng để cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng khô hạn;

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu kết hợp đảm bảo thông thoáng;

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn.

c) Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm đã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống;

- Linh hoạt điều phối, hòa mạng lưới cấp nước toàn tỉnh để hỗ trợ cho nhau (trạm bơm cấp nước bổ sung vùng diện tích tưới do hồ chứa phục vụ thiếu hụt nguồn nước và ngược lại).

*** Kịch bản 2: Thiếu hụt lượng mưa trên 50% kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt từ 50 - 70%; độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25 - 50km (RRTT cấp 3-4)**

Thực hiện các phương án theo cấp độ 1-2 và bổ sung một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác huy động vật tư, nhân lực để phục vụ chống hạn;

- Phân công các sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ để kiểm tra, hướng dẫn nhân dân có các biện pháp tích nước;

- Phát động phong trào chống hạn trong nhân dân; tiến hành động viên, khen thưởng kịp thời đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống hạn hán.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để phục vụ chống hạn. Triển khai các biện pháp tích trữ nước;

- Hỗ trợ dân chuyển đổi cây trồng có nhu cầu sử dụng nước ít nhưng hiệu quả kinh tế cao;

- Triển khai các biện pháp vận hành hồ chứa theo đúng quy trình vận hành trong mùa kiệt. Khi xảy ra hạn hán cần thực hiện các biện pháp ưu tiên cấp nước sinh hoạt, cấp nước cho gia súc và cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao;

- Chuẩn bị các máy bơm dã chiến, bơm thuyền để bơm sử dụng dung tích chết của hồ;

- Sửa chữa gấp những công trình bị hư hỏng nặng không đảm bảo dẫn nước, nạo vét hồ chứa, kênh mương từ nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên của đơn vị, đảm bảo không để rò rỉ, thất thoát nguồn nước;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước, kế hoạch chống hạn cụ thể của đơn vị;

- Xây dựng các mô hình với các loại cây, con đã được thử nghiệm có khả năng chịu khô hạn, tiêu thụ ít nước. Ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế hiệu quả và giá trị cao.

3.6. Phương án ứng phó với rét hại, sương muối

3.6.1. Thời điểm ứng phó

- Nhiệt độ trung bình ngày từ 8⁰C đến 13⁰C;

- Nhiệt độ trung bình ngày từ 4⁰C đến 8⁰C;

- Nhiệt độ trung bình ngày từ 0⁰C đến 4⁰C;

3.6.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 8⁰C đến 13⁰C (RRTT cấp 1).

- Kịch bản 2: Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 4⁰C đến 8⁰C (RRTT cấp 2).

- Kịch bản 3: Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 0⁰C đến 4⁰C (RRTT cấp 3).

3.6.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ trung bình ngày	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 8 ⁰ C đến 13 ⁰ C	- Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất.	- Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất.	- Bảo vệ gia súc, gia cầm; - Bảo vệ cây trồng;
2	Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 4 ⁰ C	- Con người; - Vật nuôi, cây trồng;	- Phương án phòng chống rét cho người;	- Giữ ấm cho người đặc biệt là người già, trẻ em và người

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ trung bình ngày	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	đến 8 ⁰ C	- Hoạt động sản xuất.	- Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất. - Phương án khắc phục và phục hồi sản xuất.	khuyết tật - Bảo vệ gia súc, gia cầm; - Đảm bảo cho hoạt động sản xuất;
3	Khi nhiệt độ trung bình ngày từ 0 ⁰ C đến 4 ⁰ C	- Con người; - Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất.	- Phương án phòng chống rét cho người; - Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc; - Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất. - Phương án khắc phục và phục hồi sản xuất.	- Giữ ấm cho người đặc biệt là người già, trẻ em và người khuyết tật - Bảo vệ gia súc, gia cầm; - Đảm bảo cho hoạt động sản xuất;

3.6.4. Phương án, giải pháp ứng phó với từng kịch bản

* Kịch bản 1: Nhiệt độ trung bình ngày từ 8⁰C đến 13⁰C (RRTT cấp 1)

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu, ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với rét hại, sương muối tới các ngành, các cấp để chủ động phòng tránh;

- Chỉ đạo các xã, phường căn cứ tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, Kế hoạch phòng, chống, ứng phó với rét hại, sương muối đối với vật nuôi, cây trồng và hoạt động sản xuất,...

* Kịch bản 2: Nhiệt độ trung bình ngày từ 4⁰C đến 8⁰C (RRTT cấp 2)

Triển khai các hoạt động giống như đối với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1, tập trung vào các nhiệm vụ:

- Phương án phòng chống rét cho người, đặc biệt lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật;

- Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc, gia cầm:

+ Tổ chức che chắn, làm chuồng cho gia súc, gia cầm;

- + Bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc;
- Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất:
- + Biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp;
- + Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ che chắn, bảo vệ cây trồng và vật nuôi;
- Phương án khắc phục và phục hồi sản xuất sau thiên tai (chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi);
- Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thức ăn chăn nuôi; thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, chất đốt để đề phòng hiện tượng rét hại kéo dài;
- Bố trí lực lượng, phương tiện để xử lý, khắc phục thiên tai: khẩn trương hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại; ổn định sản xuất; hỗ trợ gạo cứu đói cho các hộ bị mất mùa do thiên tai,...

*** Kịch bản 3: Nhiệt độ trung bình ngày từ 0°C đến 4°C (RRTT cấp 3)**

- Phương án phòng chống rét cho người, đặc biệt lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật:
 - + Cho học sinh nghỉ học;
 - + Đảm bảo an toàn cho người già;
 - + Kiểm tra, rà soát các hoạt động sưởi ấm;
- Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc, gia cầm:
 - + Tổ chức che chắn, làm chuồng cho gia súc, gia cầm;
 - + Bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc;
- Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất:
 - + Che chắn, bảo vệ cây trồng và vật nuôi;
 - + Thu hoạch sớm mùa vụ;
 - + Ổn định sản xuất; hỗ trợ gạo cứu đói cho các hộ bị mất mùa do thiên tai,...
 - + Hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại;
- Phương án khắc phục và phục hồi sản xuất sau thiên tai (chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi);
 - Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thức ăn chăn nuôi;
 - Bố trí lực lượng, phương tiện để xử lý, khắc phục thiên tai.

3.7. Phương án ứng phó với lốc, sét, mưa đá

3.7.1. Thời điểm ứng phó

- Khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ trung bình trên phạm vi hẹp;

- Khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ mạnh trên phạm vi rộng;

3.7.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ trung bình trong phạm vi dưới 1/2 số xã trên toàn tỉnh (RRTT cấp 1).

- Kịch bản 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ mạnh trong phạm vi từ 1/2 số xã trở lên trên toàn tỉnh (RRTT cấp 2).

3.7.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Cường độ	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Trung bình	Dưới 1/2 số xã trong toàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho ngư dân và tàu thuyền trên biển; - Phương án đảm bảo an toàn cho người; - Phương án đảm bảo an toàn cho nhà cửa, công trình và tài sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Ngư dân và tàu thuyền trên biển; - Nhà cửa, công trình xây dựng và tài sản.
2	Mạnh	Trên 1/2 số xã trở trong tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho ngư dân và tàu thuyền trên biển; - Phương án đảm bảo an toàn cho người; - Phương án đảm bảo an toàn cho nhà cửa, công trình và tài sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Ngư dân và tàu thuyền trên biển; - Nhà cửa, công trình xây dựng và tài sản; - An toàn lưới điện.

3.7.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

*** Kịch bản 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ trung bình trong phạm vi dưới 1/2 số xã trên toàn tỉnh (RRTT cấp 1)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các Công điện, thông báo về chỉ đạo ứng phó với thiên tai lốc, sét, mưa đá tới các cấp, các ngành để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ động chỉ đạo các cấp, ngành triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể; UBND các xã, phường sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền các bản tin dự báo, cảnh báo giông, lốc, sét,... và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng chống

dông, lốc, sét, mưa đá đến với người dân trên địa bàn.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Yêu cầu các chủ tàu thuyền khi ra biển phải có phao cứu sinh và toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao khi đang ở trên biển; nhanh chóng đi vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn khi có gió mạnh; tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền để hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

- Đảm bảo an toàn cho người:

+ Khuyến cáo người dân không ở trong những căn nhà tạm, yếu; tìm nơi trú ẩn an toàn khi có lốc và mưa đá (không di chuyển đến dưới các cây lớn, nhà tạm);

+ Khuyến cáo việc sử dụng điện thoại, điện gia dụng khi có sấm sét (rút phích cắm, ăng ten tivi và những đồ điện tử đang sử dụng). Trường hợp trực trực lưới điện chung thì tốt nhất nên ngắt cầu dao hoặc rút hết phích cắm của các đồ điện trong gia đình ra khỏi ổ điện;

+ Không nên ra ngoài lúc trời có mưa dông kèm theo sấm sét và không được lại gần nơi có dây điện rơi xuống;

+ Nếu ở ngoài trời khi mưa giông có nguy cơ bị sét đánh phải tìm chỗ trú ẩn an toàn, không đứng trên đồi cao hay những khoảng đất trống, rộng rãi như cánh đồng, sân chơi... không núp dưới cây cao ngoài đồng trống; không khuân vác vật dụng bằng kim loại như cuốc, xẻng, búa, liềm...;

+ Nếu đang làm ngoài đồng, nên chạy đến nơi nào gần nhất để giữ mình được khô ráo. Nếu không kịp đến nơi an toàn, thì nên núp nơi thấp nhất, thu mình và chụm hai chân lại;

+ Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, phải dừng lại tìm chỗ ẩn, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.

- Đảm bảo an toàn cho nhà cửa, công trình và tài sản:

+ Khuyến cáo người dân, đơn vị, doanh nghiệp,.. lắp đặt hệ thống cột thu lôi, cột chống sét thích hợp cho từng công trình;

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, gió giật, mưa đá. Ở các cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy, gió giật;

- Cứu hộ, cứu nạn người, nhà cửa bị sập do lốc, sét gây ra; hỗ trợ nhà ở nhà tạm cho các hộ bị mất nhà ở;

- Khắc phục hậu quả do lốc, sét, mưa đá: huy động lực lượng, phương tiện, vật chất trang bị để nhanh chóng giải quyết hậu quả, tập trung một số công việc như: Thu dọn cành cây đổ; sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái...; khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc; cứu trợ các cá nhân, gia đình khó khăn; thống kê và đánh giá thiệt hại.

*** Kịch bản 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra với cường độ mạnh trong phạm vi trên 1/2 số xã của tỉnh (RRTT cấp 2)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường;
- Chỉ huy lực lượng hỗ trợ dân ứng phó và khắc phục hậu quả do lốc, sét và mưa đá gây ra.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Ngành điện chủ động cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của giông gió, lốc xoáy, mưa đá, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;

- Huy động lực lượng, phương tiện để hỗ trợ các gia đình sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

- Huy động lực lượng, phương tiện y tế để kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Huy động lực lượng, phương tiện để thu dọn cây xanh, xử lý môi trường sau thiên tai;

- Huy động lực lượng để cứu hộ, cứu nạn và hỗ trợ người, nhà cửa và các vận dụng khác.

3.8. Phương án ứng phó với nắng nóng

3.8.1. Thời điểm ứng phó

- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C.
- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C.
- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 41°C.

3.8.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 41°C kéo dài trên 5 ngày (RRTT cấp 1,2);

- Kịch bản 2: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài trên 10 ngày (RRTT cấp 3,4);

3.8.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ cao nhất trong ngày và thời gian diễn ra	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1-2	Nhiệt độ cao nhất trong ngày từ 37°C đến 41°C kéo dài trên 5 ngày	- Phương án đảm bảo cho người; - Phương án đảm bảo hoạt động sản xuất;	- Con người; - Hoạt động sản xuất.
3-4	Nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài trên 10 ngày	- Phương án đảm bảo cho người; - Phương án đảm bảo hoạt động sản xuất; - Phương án đảm bảo các sự cố về điện.	- Con người; - Hoạt động sản xuất; - An toàn lưới điện

3.8.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

*** Kịch bản 1: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 41°C, kéo dài trên 5 ngày (RRTT cấp 1,2)**

a) Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các văn bản đề chỉ đạo ứng phó với nắng nóng tới các cấp, các ngành và các xã, phường bị ảnh hưởng để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế để chỉ đạo triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; chỉ đạo các bệnh viện, các trung tâm y tế đảm bảo tốt nhất việc khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng.

b) Lực lượng, vật tư, phương tiện tại chỗ

- Sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo về nắng nóng và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng ứng phó với nắng nóng;

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già;

- Khuyến cáo người dân hạn chế ra đường trong những ngày nắng nóng, khi ra đường phải có biện pháp bảo vệ, che tránh;

- Phân luồng giao thông, tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, đảm bảo cho người dân tham gia giao thông thông suốt, nhất là trong những giờ cao điểm nắng nóng;

- Chỉ đạo công tác phòng, chống đuối nước;

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn nước; xây dựng kế hoạch sản

xuất hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có, phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, đặc biệt cần chú ý đến tình huống cháy rừng trong thời gian xảy ra nắng nóng;

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết;

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các cống lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng, chống cháy rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước;

- Rà soát cây trồng trên các tuyến phố, thực hiện trồng mới thay thế cây có dấu hiệu chết, khô héo;

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, người dân lắp đặt hệ thống thu năng lượng mặt trời; nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của nắng nóng đồng thời cung cấp năng lượng sạch, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

*** Kịch bản 2: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài trên 10 ngày (RRTT cấp 3,4)**

Tiếp tục triển khai các phương án như đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1, 2 và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo Sở Y tế triển khai công tác phòng chống dịch bệnh mùa hè, không để bùng phát dịch bệnh; bổ sung thêm phòng khám, giường bệnh để khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng;

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chỉ đạo công tác phòng, chống đuối nước, đặc biệt là tai nạn đuối nước trẻ em trong dịp hè.

b) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Rà soát, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và sức khỏe cho người già, trẻ nhỏ tại các trung tâm bảo trợ xã hội;

- Triển khai đồng bộ công tác phòng, chống đuối nước, đặc biệt là tai nạn đuối nước trẻ em trong dịp hè;

- Xử lý kịp thời các sự cố về điện; bố trí kế hoạch cắt điện hợp lý. Không cắt điện trong lúc cao điểm thời tiết nắng nóng tại các khu vực trọng điểm và thời điểm nắng nóng nhất;

- Bổ sung các trạm bơm tăng áp đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho người dân, hạn chế mức thấp nhất tình trạng mất nước sạch cục bộ tại các khu dân cư. Trường hợp bị mất nước, thiếu nước phải bố trí cấp nước lưu động;

- Xây dựng các biện pháp phòng cháy chữa cháy; chuẩn bị sẵn sàng về thiết bị, phương tiện, nhân lực duy trì lệnh trực 24/24 giờ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi xảy ra cháy nổ.

3.9. Phương án ứng phó với sương mù

3.9.1. Thời điểm ứng phó

- Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50m trở lên ở trên đất liền hoặc dưới 50m ở trên biển (RRTT cấp 1).

- Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50m ở trên đất liền (RRTT cấp 2).

3.9.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50m trở lên ở trên đất liền hoặc dưới 50m ở trên biển (RRTT cấp 1);

- Kịch bản 2: Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50m ở trên đất liền (RRTT cấp 2);

3.9.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Tầm nhìn xa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Từ 50m trở lên ở trên đất liền hoặc dưới 50m ở trên biển	- Trên đất liền; - Trên sông, biển.	- Phương án đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường cao tốc; - Phương án đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền đang lưu thông trên sông, biển.	- Các phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường cao tốc; - Các tàu thuyền lưu thông trên sông, biển.
2	Dưới 50m ở trên đất liền	- Trên đất liền; - Trên sông, biển.	- Phương án đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy	- Các phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ; - Các tàu thuyền lưu thông trên sông, biển.

3.9.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

*** Kịch bản 1: Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50m trở lên ở trên đất liền hoặc dưới 50m ở trên biển (RRTT cấp 1)**

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm đến nhân dân để chủ động phòng tránh;

- Lực lượng cảnh sát giao thông hướng dẫn, phân luồng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông;

- Thông báo cho người điều khiển phương tiện giao thông, tàu thuyền về diễn biến của sương mù để chú ý quan sát, giảm tốc độ đảm bảo lưu thông an toàn; giữ liên lạc với các tàu thuyền để xử lý kịp thời các tình huống xấu có thể xảy ra;

- Duy trì lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để ứng cứu khi có yêu cầu;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định, quy chuẩn khi lưu thông trên biển của Bộ Giao thông vận tải.

*** Kịch bản 2: Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50m ở trên đất liền (RRTT cấp 2)**

Triển khai các hoạt động đối như đối với cấp độ rủi ro thiên tai 1, tập trung vào các nhiệm vụ:

- Thông báo trên các phương tiện truyền thông về mức độ che phủ, khuất tầm nhìn do sương mù gây ra để hạn chế thiệt hại trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ;

- Thông báo cho tàu thuyền hoạt động trên biển biết diễn biến về sương mù, yêu cầu tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn cho người và phương tiện khi lưu thông trên sông, trên biển;

- Bố trí lực lượng, phương tiện để xử lý, khắc phục thiên tai: khẩn trương hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại; ổn định sản xuất; hỗ trợ gạo cứu đói cho các hộ bị mất mùa do thiên tai,...

- Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ: cứu hộ, cứu nạn người, phương tiện bị ảnh hưởng do sương mù; cứu chữa người bị thương do sương mù gây ra.

3.10. Phương án ứng phó với nước biển dâng

3.10.1. Thời điểm ứng phó

- Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 3m đến 4m cho khu vực ven biển.

- Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 4m đến 5m cho khu vực ven biển.

- Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 5m cho khu vực ven biển.

3.10.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây từ 3 - 4m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 2).

- Kịch bản 2: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây từ 4 - 5m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 3).

- Kịch bản 3: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây trên 5m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 4-5).

3.10.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Độ cao nước dâng kết hợp thủy triều (m)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
2	Từ 3 - 4m ở khu vực ven biển	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Ven bờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ và tại bến; - Phương án đảm bảo an toàn cho các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm: ngoài khơi, ven bờ, tại bến; - Các công trình PCTT: đê biển; - Các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ;
3	Từ 4 - 5m ở khu vực ven biển	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Ven bờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ và tại bến; - Phương án đảm bảo an toàn cho các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ. - Phương án ứng phó với dân cư, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất khu vực ven biển; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm: ngoài khơi, ven bờ, tại bến; - Các công trình PCTT: đê biển; - Các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển.
4-5	Trên 5m đến 6m ở khu vực ven biển	<ul style="list-style-type: none"> - Trên biển; - Trên đất liền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ và tại bến; - Phương án đảm bảo an toàn cho các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ. - Phương án ứng phó với dân cư, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất khu vực ven biển; - Phương án sơ tán dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm: ngoài khơi, ven bờ, tại bến; - Các công trình PCTT: đê biển, đê sông...; - Các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất ven biển.

3.10.4. Phương án, giải pháp ứng phó với từng kịch bản

* Kịch bản 1: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây từ 3 - 4m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 2)

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh, ứng phó với nước biển dâng;

- Chỉ đạo các xã, phường sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và khu vực ven bờ: Hướng dẫn, neo đậu tàu thuyền; di chuyển lồng bè, người trên các lồng bè vào nơi an toàn,...

- Chỉ đạo các xã, phường lên phương án đảm bảo an toàn cho các công trình và cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các công trình quốc phòng an ninh.

b) Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó: Xác định lực lượng ứng phó bao gồm những đơn vị nào; số lượng bao nhiêu; đóng quân tại đâu để có kế hoạch điều động ứng cứu cho phù hợp;

- Xác định số lượng, phương tiện cần huy động, trưng dụng khi có yêu cầu;

- Lên phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền:

+ Xác định được số lượng cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển;

+ Xác định việc chằng chống, neo đậu tại bến hoặc di chuyển đến nơi an toàn;

+ Xác định lực lượng hỗ trợ dân để sơ tán người tại các khu vực nuôi trồng thủy sản,...

c) Hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại chỗ

- Lên phương án hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại các khu vực sơ tán: mỳ tôm, nước uống, thuốc men,...

- Xác định nội dung đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Xác định các vật tư cần thiết để xử lý ngay giờ đầu các sự cố khi có yêu cầu.

* Kịch bản 2: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây từ 4-5m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 3)

Thực hiện theo phương án như đối với cấp độ rủi ro 2 và bổ sung thêm một số nhiệm vụ sau:

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo các xã, phường lên phương án sơ tán dân: Xác định số hộ/nhân khẩu

tại các xã, phường cần sơ tán; tổ chức chỉ huy sơ tán; huy động lực lượng sơ tán; đảm bảo hậu cần nơi sơ tán,...

- Chỉ đạo các xã, phường lên phương án đảm bảo an toàn cho nhà cửa, các công trình và cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các công trình quốc phòng an ninh;

- Chỉ đạo công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Lên phương án sơ tán dân:

+ Xác định số hộ/nhân khẩu sơ tán (cụ thể từng thôn, xóm...);

+ Xác định các địa điểm sơ tán;

+ Xác định lực lượng hỗ trợ sơ tán dân;

+ Xác định lực lượng, phương tiện hỗ trợ nhân dân sơ tán đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) trước khi bị ngập lụt và ảnh hưởng của nước dâng.

- Phương án đảm bảo an toàn công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè..) nhà cửa, cơ sở hạ tầng:

+ Xác định các công trình, nhà cửa và các khu vực cần phải bảo vệ;

+ Xác định các biện pháp để bảo vệ công trình PCTT: đê, kè, hồ chứa,...

+ Xác định lực lượng hỗ trợ dân bảo vệ các công trình trên cảng biển, các khu công nghiệp, các trụ ăng ten,....;

+ Xác định nội dung kiểm soát an toàn đối với các công trình để có phương án bảo vệ, xử lý sự cố;

+ Xác định lực lượng tham gia ứng trực sẵn sàng triển khai cứu trợ, cứu hộ - cứu nạn, sơ cứu - cấp cứu,...

- Theo dõi, báo cáo kịp thời các tình huống phức tạp cần sự trợ giúp từ cấp trên để xử lý, ứng phó;

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người: tổ chức tìm người, phương tiện bị mất tích do nước dâng; cứu chữa người bị thương; lai dắt các phương tiện bị sự cố trên biển về nơi an toàn.

c) Hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại chỗ

- Xác định các loại vật tư sử dụng để ứng phó với nước biển dâng:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển, công trình giao thông ... (đá học, cát, đất, rọ thép, bao tải...);

+ Vật tư, lương thực nơi sơ tán;

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;
- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống nước biển dâng:

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng chuẩn bị các lương thực như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó nước biển dâng;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại xây dựng và triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng chịu ảnh hưởng của bão, mưa lũ và sự điều động của cấp trên;

+ Chuẩn bị các nhu yếu phẩm về cơ số thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu;

- Tổ chức phương án đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;
- Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

*** Kịch bản 3: Độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây trên 4m ở khu vực ven biển (RRTT cấp 4-5)**

Thực hiện theo phương án ứng phó với cấp độ 3 và triển khai một số nhiệm vụ sau:

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Ra lệnh sơ tán dân; chỉ đạo cưỡng chế đối với các hộ dân không thực hiện sơ tán;

- Thực hiện sự chỉ đạo, chỉ huy theo cấp trên.

b) Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ nhân dân sơ tán đến các công trình kiên cố và xa khu vực bị ảnh hưởng (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) theo kế hoạch đã phân công;

- Đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, an ninh trật tự tại các khu vực bị ảnh hưởng và khu vực được huy động để dân đến sơ tán;

- Bố trí các lực lượng, phương tiện để triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn và tìm kiếm người, phương tiện và các cơ sở hạ tầng khác khi có sự cố.

c) Hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại chỗ

- Bố trí nhu yếu phẩm, thuốc men và các vật dụng thiết yếu khai tại các khu vực sơ tán;

- Huy động vật tư dự trữ để xử lý các sự cố khi có yêu cầu.

3.11. Phương án ứng phó với gió mạnh trên biển

3.11.1. Thời điểm ứng phó

- Gió cấp 7 - 8 trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ;

- Gió từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 7 xảy ra trên vùng biển ven bờ.

3.11.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Gió cấp 7 - 8 trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ (RRTT cấp 1).

- Kịch bản 2: Gió từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 7 xảy ra trên vùng biển ven bờ (RRTT cấp 2).

3.11.3. Xác định phạm vi và phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Cấp gió	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Gió cấp 7 - 8 trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ	- Trên biển; - Ven bờ;	- Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ - Phương án ứng phó đối với các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ.	- Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ; - Các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ;
2	Gió từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 7 xảy ra trên vùng biển ven bờ	- Trên biển; - Ven bờ;	- Phương án ứng phó với tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ - Phương án ứng phó đối với các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ.	- Tàu thuyền, ngư dân hoạt động trong vùng nguy hiểm, ven bờ; - Các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ;

3.11.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

* Kịch bản 1: Gió cấp 7 - 8 trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ (RRTT cấp 1)

Nội dung phương án tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Chỉ đạo công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của gió mạnh trên biển và các thông tin, chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để kịp thời triển khai khi có yêu cầu;

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với gió mạnh trên biển:

- + Ban hành các văn bản chỉ đạo (công điện, thông báo,..);

- + Thông tin, truyền thông tới các xã, phường và cộng đồng để theo dõi, nắm bắt thông tin.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:

- + Thông tin tới thuyền trưởng, chủ các phương tiện tàu, thuyền và các phương tiện đang hoạt động trên biển biết về gió mạnh trên biển để chủ động các biện pháp phòng tránh;

- + Quản lý tàu thuyền của địa phương: Thống kê, kiểm đếm số lượng tàu thuyền hoạt động trên biển, ven bờ và neo đậu.

* Kịch bản 2: Gió từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi hoặc gió cấp 7 xảy ra trên vùng biển ven bờ (RRTT cấp 2)

Thực hiện theo phương án ứng phó với RRTT cấp 1 và triển khai một số nhiệm vụ sau:

a) Chỉ huy tại chỗ:

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Tiếp tục chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản chỉ đạo các xã, phường và các cơ quan có liên quan tổ chức ứng phó với gió mạnh trên biển;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:

- + Thông tin tới thuyền trưởng, chủ các phương tiện tàu, thuyền và các phương tiện đang hoạt động trên biển biết về gió mạnh trên biển để chủ động các biện pháp phòng tránh;

- + Quản lý tàu thuyền của địa phương: Thống kê, kiểm đếm số lượng tàu thuyền hoạt động trên biển, ven bờ và neo đậu;

- + Hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm;

- + Trường hợp có tàu thuyền đang hoạt động hoặc di chuyển trú tránh vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để trú tránh bão thì phải chỉ đạo sở chuyên ngành đề nghị Cục Lãnh sự can thiệp.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng vùng ven bờ: Hướng dẫn, kiểm tra việc đảm bảo an toàn cho lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên vùng biển và ven bờ;

- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống;

- Trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố.

b) Lực lượng, phương tiện tại chỗ:

- Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó:

+ Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động, sử dụng (đội thanh niên xung kích, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản, công an, quân đội,...);

+ Xác định các loại phương tiện, vật tư của các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).

- Xác định các nội dung công việc cần phải huy động lực lượng, phương tiện thực hiện:

+ Giúp dân sơ tán lòng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản;

+ Hỗ trợ sơ tán dân khu vực ven biển có khả năng bị ảnh hưởng;

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người: tổ chức tìm người, phương tiện bị mất tích do nước dâng; cứu chữa người bị thương; lai dắt các phương tiện bị sự cố trên biển về nơi an toàn.

c) Vật tư, hậu cần tại chỗ:

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để đối phó với gió mạnh trên biển:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển;

+ Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa (bao tải, gạch, cát, dây điện...).

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm cho người dân khi cần thiết.

3.12. Phương án ứng phó với động đất

3.12.1. Thời điểm ứng phó

- Động đất xảy ra khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp V -VI;

- Động đất xảy ra khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VI -VII;

- Động đất xảy ra khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VII - VIII;

- Động đất xảy ra khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được lớn hơn cấp VIII;

3.12.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp V-VII (RRTT cấp 1-2)

- Kịch bản 2: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp VII-VIII (RRTT cấp 3-4)
- Kịch bản 2: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp VIII trở lên (RRTT cấp 5)

3.12.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

Cấp độ rủi ro	Cấp độ	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1-2	Từ cấp V - VII	- Phương án ứng phó với các công trình xây dựng thiết kế kém	- Các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân;
3-4	Từ cấp VII- VIII	- Phương án ứng phó nhà cửa, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT... - Phương án sơ tán dân.	- Các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân; - Các công trình: Nhà ở, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT...
5	Từ cấp VIII trở lên	- Phương án ứng phó nhà cửa, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT...	- Các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân; - Các công trình: Nhà ở, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT...

3.12.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản

* Kịch bản 1: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp V đến cấp VII (RRTT cấp 1-2)

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu;

- Chỉ đạo các sở, ngành nhất là lực lượng công an, quân đội chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố về công trình, cơ sở hạ tầng.

b) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Sẵn sàng các lực lượng, đặc biệt là lực lượng quân đội, công an để ứng phó khi xảy ra các sự cố;

- Sẵn sàng các phương tiện, vật tư để di chuyển và xử lý các sự cố.

* Kịch bản 2: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp VII đến VIII (RRTT cấp 3-4)

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản, công điện...;

- Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn hồ chứa nước khi có sự cố do động đất gây ra; thường xuyên thông tin về an toàn hồ chứa đến các

địa phương liên quan để phối hợp ứng phó, thực hiện sơ tán dân nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân ở các vùng hạ du hồ chứa;

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân;
- Chỉ huy các lực lượng ứng phó tại hiện trường.

b) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện, kinh phí, vật tư, tại chỗ sẵn sàng hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm, ... tại nơi sơ tán;

- Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống nhà sập, cây lớn, trụ điện ngã đổ... do động đất gây ra, huy động lực lượng, phương tiện tiến hành cứu người kẹt trong các đồng đồ nát;

- Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị ảnh hưởng;

- Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra động đất để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

- Triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy; dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các vật liệu cháy nổ có thể còn sót lại, ứng phó với các tình huống hơi độc, hơi ngạt;

- Huy động máy móc, thiết bị của các đơn vị, doanh nghiệp đang thực hiện xây dựng trên địa bàn tỉnh để phối hợp với tìm kiếm cứu nạn trong các tình huống sập nhà do động đất gây ra;

- Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình; đảm bảo an toàn giao thông, phong tỏa các cầu vượt, hầm chui cho đến khi có kết luận về độ an toàn sau động đất.

*** Kịch bản 3: Động đất xảy ra khi cường độ từ cấp VIII trở lên (RRTT cấp 5)**

- Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực ven biển và khu vực lân cận;
- Huy động lực lượng toàn tỉnh để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn;
- Các nội dung khác thực hiện như đối với kịch bản 2.

3.13. Phương án ứng phó với sóng thần

3.13.1. Thời điểm ứng phó

- Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2m và cường độ sóng cấp VI;

- Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2m đến dưới 4m và cường độ sóng cấp từ VII đến cấp VIII;

- Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4m đến dưới 8m và cường độ sóng cấp từ IX đến cấp X;

- Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8m đến dưới 16m và cường độ sóng cấp XI;

- Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 16m và cường độ sóng cấp XII;

3.13.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Khi xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2m đến dưới 8m và cường độ sóng cấp từ VI đến cấp X (RRTT cấp 1-3);

- Kịch bản 2: Khi xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 8m và cường độ sóng cấp từ X trở lên (RRTT cấp 4-5);

3.13.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó

Cấp độ rủi ro	Độ cao và cường độ sóng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1-3	Sóng thần có độ cao sóng từ 2m đến dưới 8m và cường độ sóng cấp từ VI đến cấp X	- Phương án ứng phó nhà cửa, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT... - Phương án sơ tán dân.	- Các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân ven biển; - Các công trình PCTT, cơ sở hạ tầng ven biển;
4-5	Sóng thần có độ cao sóng trên 8m và cường độ sóng cấp từ cấp X trở lên	- Phương án ứng phó nhà cửa, cơ sở hạ tầng, các công trình PCTT... - Phương án sơ tán dân.	- Các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân; - Các công trình PCTT, cơ sở hạ tầng;

3.13.4. Nội dung ứng phó theo các kịch bản từng kịch bản

*** Kịch bản 1: Khi xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2m đến dưới 8m và cường độ sóng cấp từ VI đến cấp X (RRTT cấp 1-3)**

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu;

- Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản, công điện,..;

- Chỉ đạo các sở, ngành nhất là lực lượng công an, quân đội chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố về đề điều công trình, cơ sở hạ tầng ven biển.

- Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn khu vực ven biển, thực hiện sơ tán dân nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người;

- Chỉ đạo công tác kêu gọi tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc chạy ra xa bờ;

- Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

b) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ:

- Sẵn sàng các lực lượng, đặc biệt là lực lượng quân đội, công an để ứng phó khi xảy ra các sự cố;

- Sẵn sàng các phương tiện, vật tư để di chuyển và xử lý các sự cố.

*** Kịch bản 2: Khi xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 8m và cường độ sóng cấp từ X trở lên (RRTT cấp 4-5)**

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Phát cảnh báo trên các mạng viễn thông đến từng người dân;

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu;

- Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản, công điện,..;

- Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực ven biển và khu vực lân cận;

- Chỉ đạo các sở, ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn khu vực ven biển;

- Chỉ đạo công tác kêu gọi tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc chạy ra xa bờ;

- Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

b) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ:

- Huy động lực lượng toàn tỉnh để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn;

- Huy động lực lượng, phương tiện kinh phí, vật tư, tại chỗ hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm... tại nơi sơ tán;

- Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có sóng thần: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống bị cuốn trôi, tàu thuyền bị chìm...do sóng thần gây ra, huy động lực lượng;

- Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị ảnh hưởng;

- Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra sóng thần để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

- Triển khai phương án dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các kho hóa chất phát tán ra môi trường;

- Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình.

3.14. Phương án ứng phó với cháy rừng do tự nhiên

3.14.1. Thời điểm ứng phó

- Dự báo nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 10 ngày;

- Dự báo nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 15 ngày;

- Dự báo nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày;

- Dự báo nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 25 ngày;

- Dự báo nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày;

3.14.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Đám cháy có quy mô nhỏ, đám cháy mới phát sinh, có nguy cơ lan sang các khu vực khác hạn chế (RRTT cấp 1);

- Kịch bản 2: Đám cháy có quy mô vừa, khả năng phát triển nhanh, ngoài khả năng chữa cháy của xã (phường) và có nguy cơ lan sang các khu vực xung quanh (RRTT cấp 2);

- Kịch bản 3: Đám cháy có quy mô lớn, diễn biến phức tạp, lan nhanh trên diện rộng, đe dọa đến tính mạng con người và gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, ngoài khả năng chữa cháy của xã (phường), cần huy động thêm lực lượng, phương tiện cấp trên (RRTT cấp 3-5);

3.14.3. Xác định phạm vi phương án ứng phó theo kịch bản

Cấp độ rủi ro	Phạm vi đám cháy	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Đám cháy có quy mô nhỏ, đám cháy mới phát sinh, có nguy cơ lan sang các khu vực khác hạn chế	Phương án huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng	- Dập tắt đám cháy và không để lan sang các khu vực lân cận; - Bảo vệ các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.
2	Đám cháy có quy mô vừa, khả năng phát triển nhanh, ngoài khả năng chữa cháy	Phương án huy động lực lượng, phương tiện chữa	- Dập tắt đám cháy và không để lan sang các khu vực lân cận;

Cấp độ rủi ro	Phạm vi đám cháy	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	của xã, phường và có nguy cơ lan sang các khu vực xung quanh	cháy rừng	- Bảo vệ các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.
3-5	Đám cháy có quy mô lớn, diễn biến phức tạp, lan nhanh trên diện rộng, đe dọa đến tính mạng con người và gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, ngoài khả năng chữa cháy của xã, phường, cần huy động thêm lực lượng, phương tiện cấp trên	Phương án huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng	- Dập tắt đám cháy và không để lan sang các khu vực lân cận; - Bảo vệ các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

3.13.4. Phương án, giải pháp ứng phó với từng kịch bản

*** Kịch bản 1: Đám cháy có quy mô nhỏ, đám cháy mới phát sinh, có nguy cơ lan sang các khu vực khác hạn chế (RRTT cấp 1).**

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Đám cháy mới phát sinh, đám cháy ít có nguy cơ lan sang các khu vực lân cận, chủ rừng phải huy động ngay lực lượng, công cụ để chữa cháy.

+ Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thì trưởng thôn, tổ dân phố nơi xảy ra cháy rừng phải huy động lực lượng, phương tiện cần thiết của thôn, bản để chữa cháy. Đồng thời với việc tổ chức chữa cháy phải báo cáo ngay cho Kiểm lâm địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã để có phương án hỗ trợ kịp thời. Chủ tịch UBND xã khẩn trương đến hiện trường đám cháy, trực tiếp chỉ đạo chữa cháy rừng và huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng.

+ Đối với chủ rừng là tổ chức, khi phát hiện đám cháy, chủ rừng phải khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện thiết bị của chủ rừng để chữa cháy rừng; chủ rừng trực tiếp là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng. Đồng thời với việc tổ chức chữa cháy phải báo cáo ngay cho Kiểm lâm địa bàn, UBND xã để có phương án hỗ trợ kịp thời.

Kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm tình hình diễn biến cháy rừng, tình hình tổ chức cứu chữa, để có phương án hỗ trợ kịp thời và trực tiếp tham gia chữa cháy rừng.

Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của xã, Chủ tịch UBND xã báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh để huy động lực lượng hỗ trợ chữa cháy rừng (khi báo cáo cần nói rõ địa điểm, đường đi và hướng lan tràn của đám cháy).

*** Kịch bản 2: Đám cháy có quy mô vừa, khả năng phát triển nhanh, ngoài khả năng chữa cháy của xã, phường và có nguy cơ lan sang các khu vực xung quanh (RRTT cấp 2).**

Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND tỉnh huy động ngay lực lượng cơ động của tỉnh (Hạt Kiểm lâm; Công an phòng cháy, chữa cháy tỉnh và Quân sự tỉnh) khẩn trương tiếp cận hiện trường để chỉ đạo chữa cháy rừng. Mặt khác huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn các xã lân cận để tham gia hỗ trợ chữa cháy rừng.

Chủ tịch UBND tỉnh có mặt tại hiện trường là người trực tiếp chỉ đạo chữa cháy rừng. Lực lượng Kiểm lâm là lực lượng nòng cốt hướng dẫn chữa cháy rừng.

Khi có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng, người chỉ huy chữa cháy của từng lực lượng chịu sự chỉ đạo chung của Chủ tịch UBND tỉnh;

Người chỉ huy chữa cháy rừng của từng lực lượng như sau:

+ Đối với lực lượng Quân đội, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, thủ trưởng đơn vị là người chỉ huy chữa cháy rừng.

+ Đối với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng là tổ chức, người đứng đầu tổ chức là người chỉ huy hoặc ủy quyền người chỉ huy chữa cháy rừng.

+ Đối với các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

*** Kịch bản 3: Đám cháy có quy mô lớn, diễn biến phức tạp, lan nhanh trên diện rộng, đe dọa đến tính mạng con người và gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, ngoài khả năng chữa cháy của xã (phường), cần huy động thêm lực lượng, phương tiện cấp trên (RRTT cấp 3-5).**

Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức huy động tối đa lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng; khẩn trương tiếp cận đám cháy để chỉ đạo chữa cháy rừng; cụ thể:

Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm huy động tối đa lực lượng, phương tiện đến khu vực xảy ra cháy rừng để hướng dẫn các lực lượng và tham gia chữa cháy rừng.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Huy động đơn vị quân đội của địa phương tham gia chữa cháy rừng theo yêu cầu của Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

Công an tỉnh: Điều động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả xe chữa cháy ở những nơi có thể tiếp cận được mục tiêu); nhanh chóng triển khai phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường tại các khu vực xảy ra cháy rừng và triển khai các phương án bảo vệ các công trình trọng điểm.

Sở Khoa học và Công nghệ: Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt ở các khu vực xảy ra cháy rừng theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh; quy định chế độ ưu tiên về thông tin, truyền tin, các dịch vụ bưu chính phục vụ chữa cháy rừng đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chính xác, thông suốt trong mọi tình huống.

Sở Y tế: Cơ động các tổ y tế đến các địa bàn xảy ra cháy rừng theo sự phân công của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, để sẵn sàng cấp cứu người bị nạn, bảo đảm nguồn nước sinh hoạt cho các lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

Sở Xây dựng: sẵn sàng huy động các xe chuyên chở để chở người và thiết bị khi có yêu cầu. Triển khai ngay việc sửa chữa khắc phục các đoạn đường bị hư hại trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giao thông để cơ động lực lượng đến khu vực xảy ra cháy rừng; đồng thời tìm đường vòng vượt, phối hợp với Công an để ứng cứu, giải tỏa ách tắc giao thông.

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan, tùy theo chức năng của mình cơ động lực lượng tham gia chữa cháy, sẵn sàng chi viện cho các đơn vị khác khi có yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

Khi có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng, thì người đứng đầu của từng lực lượng là người chỉ huy chữa cháy rừng, chịu sự chỉ đạo chung của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát của tỉnh hoặc đám cháy có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để huy động chữa cháy rừng.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác PCTT tại các địa bàn đã được phân công của Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý hoạt động phòng chống thiên tai và TKCN trên địa bàn tỉnh; chỉ huy, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật, gồm:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Phương án triển khai ứng phó với tình huống bão rất mạnh và siêu bão; Phương án bảo vệ trọng điểm; Phương án hộ đê toàn tuyến và ứng phó với trường hợp lũ vượt tần suất thiết kế...

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả mưa, bão, lũ lụt, lốc, sét, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất và sóng thần... chỉ huy hộ đê, đảm bảo an toàn hồ đập, công trình phòng chống thiên tai.

- Chỉ đạo Tiểu ban Tiền phương, Tiểu ban Cứu hộ cứu nạn, Tiểu ban Hậu phương và các đơn vị có liên quan xây dựng và triển khai theo phương án đã được duyệt, khẩn trương tổ chức ứng phó, xử lý kịp thời với các diễn biến thiên tai (mưa lớn, áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, nắng nóng, rét hại, mưa đá, động đất, sóng thần...) bảo vệ sản xuất, các cơ sở kinh tế - xã hội, các khu dân cư; tổ chức cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp và nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu hộ, cứu nạn cho các loại hình thiên tai: ATNĐ, bão, lũ, lốc, mưa đá, động đất, sóng thần...; phương án hợp đồng tác chiến giữa tỉnh, xã, phường và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để sẵn sàng huy động phương tiện, lực lượng cơ động tham gia ứng phó với thiên tai khi có yêu cầu; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh xây dựng phương án phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn có yếu tố nước ngoài tham gia.

Tổ chức ký kết hiệp đồng lực lượng với các đơn vị Quân đội của Bộ, Quân khu đóng quân trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối kết hợp với các Ban chỉ huy quân sự các xã, phường để phân chia lực lượng.

4. Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý, kiểm soát, hướng dẫn, kêu gọi tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển về nơi tránh, trú bão an toàn phù hợp với diễn biến của ATNĐ, bão, động đất, sóng thần. Thường xuyên thông tin, hướng dẫn cho chủ tàu thuyền, ngư dân đang hoạt động trên biển nắm chắc diễn biến, hướng di chuyển của ATNĐ, bão để phòng, tránh an toàn; đồng thời, thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản tại các khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão; kiểm soát hoạt động của các chài canh thủy hải sản tại khu vực bãi bồi ven biển.

- Phối hợp với UBND các xã ven biển xây dựng, tổ chức thực hiện phương án di dân phía ngoài đê biển vào trong đê và các hộ dân có nhà ven sông, ven biển không đảm bảo an toàn đến các địa điểm tránh trú an toàn khi có ATNĐ, bão, nước dâng, động đất, sóng thần.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển và vùng ven biển khi xảy ra thiên tai và phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển và vùng ven biển khi có yếu tố nước ngoài tham gia.

5. Công an tỉnh

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi xảy ra thiên tai; bố trí lực lượng, phối hợp với thanh tra giao thông tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại khu vực bị thiên tai, kiểm soát chặt chẽ phương tiện giao thông qua các đoạn đường ngập, các bên đò ngang, đò dọc.

- Phối hợp với lực lượng quân đội và chính quyền địa phương trong việc sơ tán nhân dân, tham gia cứu hộ, cứu nạn và giúp dân khắc phục hậu quả; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật về đê điều, luật phòng chống thiên tai.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, phường tổng kiểm tra đê điều, hồ đập, các trọng điểm xung yếu trước mùa mưa, bão. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án chống úng, chống hạn, phương án hậu phương và khắc phục hậu quả thiên tai khôi phục sản xuất, xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác phòng chống thiên tai, quản lý đê điều, các công trình thủy lợi khác và công tác "4 tại chỗ" của các địa phương, đơn vị; kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã, phường lập kế hoạch, phương án PCTT, quy chế phối hợp với các Doanh nghiệp trên địa bàn trong việc xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ PCTT theo phương châm 4 tại chỗ. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định: Kế hoạch Phòng chống thiên tai; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT; Phương án bảo vệ trọng điểm do UBND các xã, phường xây dựng.

- Đôn đốc UBND các xã, phường, các Công ty Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh kiểm tra, rà soát các khu vực trọng điểm, vị trí xung yếu, phát hiện và xử lý, khắc phục kịp thời các tồn tại về đê sông, đê hồ, đập, kè, cống, công trình phụ trợ phòng chống thiên tai và hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của hạn hán, xâm nhập mặn, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát quy hoạch để chủ động điều chỉnh bố trí cây trồng vật nuôi phù hợp với khả năng cung cấp nước của từng vùng, từng địa phương; chỉ đạo các Công ty Khai thác công trình thủy lợi tổ chức quản lý, vận hành các công trình trên hệ thống đê, các hồ chứa không để hiện tượng xâm nhập mặn làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp; Chủ động đôn đốc việc kiểm tra, sửa chữa, khôi phục hoạt động của các công trình cấp nước tập trung, các giếng ao để ứng phó với tình hình nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn,

đảm bảo cấp nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh khi hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra.

- Chỉ đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xây dựng Phương án chữa cháy rừng vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành liên quan xây dựng kế hoạch dự phòng vật tư, hóa chất, phương tiện phục vụ xử lý nguồn nước, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó với các tình huống thiên tai. Chủ động điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, công bố kịch bản biến đổi khí hậu. Xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông kiên cố, bền vững trước thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc 24/24h, kịp thời trong mọi tình huống từ tỉnh đến các xã, phường và các trọng điểm, đặc biệt trong trường hợp xuất hiện lũ lớn kéo dài gây sự cố mất điện lưới, không thể thông tin liên lạc bằng hữu tuyến và các mạng viễn thông với trạm đo mực nước Hưng Thi - Hòa Bình, trình Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện phương án đảm bảo Thông tin liên lạc đã được phê duyệt; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị viễn thông, buru chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo thông tin liên lạc theo phương án được duyệt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành việc phòng tránh, ứng phó với bão, lũ, động đất, sóng thần, công tác tìm kiếm cứu nạn, ...

- Chỉ đạo các doanh nghiệp thông tin di động chuyển các thông tin về động đất, sóng thần do viện Vật lý địa cầu cung cấp đến các thuê bao di động trong khu vực bị ảnh hưởng dưới hình thức tin nhắn.

- Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và cấp xã, Viện Vật lý địa cầu, Đài KTTV tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, các đơn vị viễn thông trên địa bàn thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức về bão, lũ, động đất, sóng thần,... nâng cao nhận thức cộng đồng. Giúp cộng đồng hiểu biết cách phòng, tránh, ứng phó với bão, lũ, động đất, sóng thần.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin, đại chúng ở tỉnh tăng cường thông tin, truyền thông về tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; các biện pháp chỉ đạo ứng phó để cộng đồng biết và chủ động thực hiện tiết kiệm nước; biểu dương, khuyến khích những cá nhân, tổ chức tích cực và sáng tạo trong ứng phó với hạn hán.

8. Sở Xây dựng

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các chủ đầu tư xây dựng, tổ chức thực hiện tốt phương án đảm bảo an toàn cho các công trường xây dựng, các nhà xưởng, công trình xây dựng trọng điểm; tham mưu khắc phục, xử lý sự cố các công trình xây dựng do thiên tai gây ra.

- Triển khai rà soát, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch phù hợp với phân vùng động đất, sóng thần theo quy định.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và giao thông thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; có phương án đề phòng, xử lý các vị trí sạt lở gây ách tắc giao thông. Tổ chức phân luồng xe đi tỉnh Phú Thọ và các tỉnh Tây Bắc khi Quốc lộ 12B bị ngập lụt một số đoạn.

- Phối hợp với UBND xã Phú Long, xã Quỳnh Lưu thực hiện công tác phân luồng giao thông trên Quốc lộ 45 khi hồ Đồng Chương xả tràn; phối hợp với UBND xã Gia Vân và xã Gia Lâm chỉ đạo Doanh nghiệp tư nhân Xuân Quyền thực hiện công tác đảm bảo giao thông qua cầu phao Đồng Chưa theo phương án được duyệt khi có tình huống lụt, bão; đồng thời, chỉ đạo các Ban QLDA đảm bảo giao thông, an toàn giao thông đường thủy và hành lang thoát lũ tại các vị trí đang thi công dở dang do Sở làm chủ đầu tư.

- Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn cho các bến cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án tránh trú bão, lũ đảm bảo an toàn cho các phương tiện thủy trên các tuyến sông thuộc phạm vi quản lý.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án huy động phương tiện vận tải đáp ứng yêu cầu ứng phó thiên tai.

9. Sở Y tế

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý ổ dịch xuất hiện sau thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh. Có kế hoạch phân bổ cơ sở thuốc phòng, chống bão, lụt; hóa chất phòng, chống dịch bệnh...

- Xây dựng, thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở y tế khi xảy ra ngập lụt, sập đổ để nhanh chóng thu dung cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống khẩn cấp, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở y tế hoạt động, tuyệt đối không để người bệnh, nhân viên y tế bị thiệt mạng do lũ, bão, thiên tai.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế chủ động kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn môi trường, tránh bùng phát dịch bệnh do ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, nắng nóng kéo dài.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh, sinh viên và an toàn trường, lớp học trong bão, lũ, động đất, sóng thần. Có kế hoạch bảo đảm chương trình, thời gian học cho học sinh các xã vùng bị ảnh hưởng của bão, lũ, động đất, sóng thần, nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối nhất là các khối lớp cuối cấp.

- Từng bước đưa kiến thức cơ bản về bão, lũ, động đất, sóng thần, hạn hán,

xâm nhập mặn, lũ quét, sạt lở đất,... và các phương pháp phòng, chống, ứng phó vào chương trình đào tạo cho học sinh, sinh viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Sở Công Thương

Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện phương án dự trữ hàng hóa nhất là lương thực và nước uống nhằm bảo đảm nguồn cung các mặt hàng thiết yếu cho người dân vùng bị thiên tai, lụt, bão, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn khi có yêu cầu; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai để đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý.

12. Sở Nội vụ

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ các đối tượng người có công vùng bị thiên tai.

13. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ban, ngành, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kịp thời kinh phí đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả, hỗ trợ khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng thiên tai và tu sửa công trình phòng chống lụt bão; công trình bị hư hại do thiên tai.

14. Thanh tra tỉnh

Thực hiện thanh tra công tác quản lý nhà nước đối với công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh (nếu có).

15. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo bão, mưa, lũ trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết thủy văn của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, các đài Khí tượng khu vực, tổng hợp phát hành các bản tin thông báo, dự báo, cảnh báo về mưa, lũ, ATNĐ - bão trên địa bàn toàn tỉnh. Dự báo lũ trên sông Đáy tại trạm thủy văn Phủ Lý và Ninh Bình; trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hưng Yên; trên sông Đào tại trạm thủy văn Nam Định; trên sông Ninh Cơ tại trạm thủy văn Trực Phương; trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé; cảnh báo lũ trên các hồ chứa lớn. Yêu cầu dự báo phải chính xác, kịp thời, có chất lượng cao;

- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh chi tiết hóa bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai được Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã, phường. Tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai theo đúng quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg. Tăng cường dự báo, nhận định tình hình nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại đông lốc, .. thường xuyên cung cấp cho các cơ quan liên quan và địa phương để phục vụ chỉ đạo phòng, chống thiên tai.

16. Công ty Điện lực tỉnh Ninh Bình

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn hệ thống nguồn, lưới điện trong mọi tình huống để đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai. Triển khai thực hiện phương án đảm bảo cấp điện 24/24h phục vụ vận hành tràn Lạc Khoái, cống Mai Phương, Địch Lộng khi có yêu cầu.

17. Các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho các hồ, đập, hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, hạn hán, xâm nhập mặn; lập các quy trình vận hành an toàn hồ, đập theo quy định. Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường tổ chức xây dựng và thực hiện phương án chống úng, hạn hán, xâm nhập mặn để bảo vệ sản xuất nông nghiệp, dân sinh theo phương án được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã Gia Phong, xã Gia Hưng, xã Gia Trấn triển khai thực hiện vận hành tràn Lạc Khoái, cống Mai Phương, cống Địch Lộng theo quy trình khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan thực hiện việc xả lũ các hồ chứa thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

18. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ thiết bị, cơ sở hạ tầng thông tin, truyền hình. Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và cấp xã, đăng tải, đưa tin kịp thời, đúng quy định về dự báo, cảnh báo thiên tai và công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động phòng chống thiên tai của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về phương án PCTT và TKCN của tỉnh và phổ biến kinh nghiệm phòng tránh thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng đến người dân nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng để có ý thức và biện pháp chủ động phòng tránh hiệu quả.

19. Thống kê tỉnh Ninh Bình

Thống kê tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thống kê thiệt hại do thiên tai theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015.

20. Các sở, ngành khác

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực

hiện phương án phòng chống thiên tai đáp ứng, yêu cầu nhiệm vụ phòng tránh thiên tai của ngành mình, đơn vị mình và nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, động đất, sóng thần chung của tỉnh.

21. Nhiệm vụ của các xã, phường

- Ủy ban nhân dân các xã, phường và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã, phường có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác PCTT và TKCN; đảm bảo an toàn đê điều, hồ đập và các công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn mình quản lý. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện các phương án, quy chế phối hợp, kế hoạch phòng, chống khi thiên tai xảy ra; phối hợp với chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương thi công, đưa vào sử dụng các công trình khắc phục sự cố, các điểm bị tràn, diềm sạt lở, hư hại do ảnh hưởng của thiên tai.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, nhân lực, trang thiết bị; tổ chức ứng phó các sự cố khi có thiên tai xảy ra.

22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình và các tổ chức đoàn thể

Tích cực bám sát địa bàn, tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực chủ động tham gia công tác PCTT và TKCN phát huy vai trò của đoàn thanh niên, thanh niên tình nguyện, hội phụ nữ tham gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; vận động, hướng dẫn hội viên thực hiện tốt các giải pháp sản xuất trong điều kiện nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước sinh hoạt theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn để giành thắng lợi trong sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Trên đây là Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, các xã, phường tập trung triển khai thực hiện, đảm bảo ứng phó kịp thời, có hiệu quả, bảo vệ an toàn cho người, tài sản của Nhà nước, nhân dân và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh;
- Lưu: VT, các VP.

L/VP3/NN/2026/TL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng